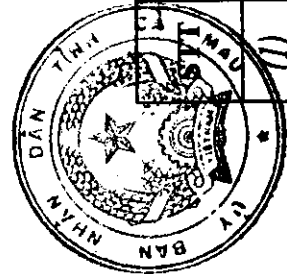


	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
302	Lộ dọc kênh Công Nghiệp (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Phạm Văn Dinh	Hết ranh đất ông Võ Văn Thạnh (Võ Văn Thạch)	300
303	nt	Cầu chữ Y (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Võ Văn Thạnh (Võ Văn Thạch)	500
304	nt	Cầu chữ Y (Hướng đông bờ Nam)	Hết ranh đất ông Lê Huỳnh Bé (Trần Văn Bé)	900
305	nt	Hết ranh đất ông Lê Huỳnh Bé	Hết ranh đất bà Phạm Thị Hà	450
306	nt	Hết ranh đất bà Phạm Thị Hà	Giáp ranh xã Khánh Lộc	250
307	Lộ dọc kênh Công Nghiệp (Bờ Tây)	Đầu cầu công nghiệp (Bờ Tây hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Võ Văn Thành	600
308	nt	Ranh đất ông Võ Văn Thành	Hết ranh đất ông Lê Trường Hân (Lê Văn Hân)	400
309	nt	Cầu Chữ Y (Bờ Tây)	Hết ranh đất ông Lê Trường Hân (Lê Văn Hân)	700
310	nt	Cầu Chữ Y (Bờ Bắc)	Ngã ba Năm Trĩ	400
311	nt	Cầu Chữ Y (Bờ Nam)	Ngã ba Năm Trĩ	250
312	Lộ từ cầu Chữ Y đến Trung tâm xã	Cầu Chữ Y (Hướng Đông)	Ngã ba về hướng UBND xã Khánh Hưng (Bờ Bắc)	500
313	nt	Ngã ba kênh Ngang (Bờ Tây)	Hết ranh đất trường cấp II	700
314	nt	Ranh đất trường cấp II	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Công	400
315	Lộ từ cầu Chữ Y đến Trung tâm xã	Hết ranh đất ông Đoàn Văn Công	Hết ranh nhà bia ghi danh liệt sỹ	800
316	nt	Hết ranh nhà bia ghi danh liệt sỹ	Hết ranh đất ông Trần Thị Định	900

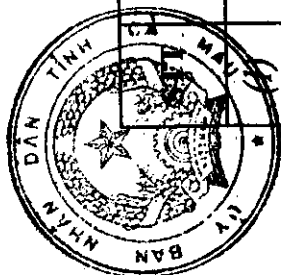
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
317	Trung tâm cầu Chữ Y	Ranh đất ông Phạm Văn Đoàn	Hết ranh đất ông Dương Thanh Xuân (Bờ Bắc)	150
318	nt	Hết ranh đất ông Dương Thanh Xuân	Giáp ranh xã Khánh Lộc	150
319	nt	Ngã tư Nghĩa trang Ba Có	Đầu kênh Hai Cai (2 bờ)	150
320	Trung tâm cầu Chữ Y	Đầu kênh Bà Xum	Kênh Hai Cai (2 bờ)	150
321	Công Nghiệp A	Đầu kênh cua Le Le (2 bờ)	Ngã ba Năm Trì	150
322	Vàm Cống Đá	Đầu vàm Cống Đá (Lộ xe, hướng Đông)	Hết ranh đất ông Lê Văn Danh	500
323	nt	Đầu vàm Cống Đá (Hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Thái Minh Trí (Bờ Đông)	420
324	nt	Hết ranh đất ông Thái Minh Trí (Bờ Đông)	Ngã tư Út Cùi	300
325	nt	Vàm Cống Đá	Hết ranh đất bà Dương Thị Phê (Bờ Tây)	500
326	nt	Hết ranh đất bà Dương Thị Phê (Bờ Tây)	Ngã tư Út Cùi	300
327	nt	Ranh đất ông Lê Văn Danh	Hết ranh đất ông Trần Anh Phái	500
328	nt	Ngã tư Út Cùi (Bờ Đông)	Ngã tư Miếu Ông Tà	200
329	nt	Ngã tư Út Cùi (Bờ Tây)	Ngã tư Miếu Ông Tà	300
330	nt	Ngã tư Út Cùi (Bờ Bắc)	Giáp ấp Rạch Lùm C	300
331	Áp kênh Hăng C	Đầu vàm cống kênh Hăng C (Hướng Bắc)	Hết ranh đất bà Lê Thị Nhiên (Bờ Đông)	450
332	nt	Ranh đất bà Lê Thị Nhiên (Bờ Đông)	Giáp ấp kênh Hăng B	200



Huyện Trần Văn Thời

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
333	Áp kênh Hăng C	Đầu vàm công kênh Hăng C (Hương Bắc)	Hết ranh đất bà Nguyễn Kim Hoa (Bờ Tây)	500
334	nt	Hết ranh đất bà Nguyễn Kim Hoa (Bờ Tây)	Giáp áp kênh Hăng B	300
335	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Ranh đất xã Khánh Hải	Cầu Rạch Lùm A	700
336	nt	Cầu Rạch Lùm	Giáp áp kênh Hăng C	650
337	nt	Giáp áp kênh Hăng C	Cổng kênh Hăng C	650
338	nt	Cổng kênh Hăng C	Giáp ranh đất áp Công Nghiệp A	650
339	nt	Giáp ranh đất áp Công Nghiệp A	Cầu Công Nghiệp	650
340	nt	Cầu Công Nghiệp A	Giáp xã Khánh Lộc	650
341	Vàm Rạch Lùm	Cầu Vàm Rạch Lùm (Hương Bắc)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hòa(Bờ Đông)	450
342	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hòa (Bờ Đông)	Hết ranh đất ông Đặng Văn Danh	300
343	nt	Hết ranh đất ông Đặng Văn Danh	Giáp ranh xã Khánh Hải	290
344	nt	Cầu Rạch Lùm (Hương Bắc)	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Em (Bờ Tây)	500
345	nt	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Em	Hết ranh đất ông Nguyễn Bá Xuân	300
346	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Bá Xuân	Giáp ranh xã Khánh Hải	300
347	nt	Đầu kênh Hiệp Hòa Bờ Đông	Giáp ranh xã Khánh Hải	250
348	nt	Đầu kênh Hiệp Hòa Bờ Tây	Giáp ranh xã Khánh Hải	300
349	Kênh Hăng B	Đầu kênh Xóm Miên (2 bờ)	Giáp ranh áp Rạch Lùm C	120

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
350	Kênh Hăng B	Đầu kênh Sáu U (2 bờ)	Ngã tư miếu Ông Tà	150
351	nt	Ngã ba Năm Trì (Hướng Bắc)	Giáp ranh ấp Nhà Máy A (Bờ Đông)	160
352	nt	Ngã ba Năm Trì (Hướng Bắc)	Giáp ranh ấp Nhà Máy A (Bờ Tây)	200
Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				
8. Xã Khánh Hải				
353	Khu trung tâm xã	UBND xã về hướng Đông	Hết ranh đất Trường Trung học cơ sở	800
354	nt	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Nam)	Ngã ba Kênh Gita	800
355	Khu trung tâm xã	Trường Tiểu học 1	Kênh Bảy Ghe 500m (Bờ Bắc)	800
356	nt	Trường Tiểu học 1	Kênh Bảy Ghe 500m - Bờ Nam	700
357	Lộ ô tô trung tâm xã khu di tích Bắc Ba Phi	UBND xã	Khu di tích Bắc Ba Phi (Hết ranh đất ông Hậu)	850
358	nt	Ranh đất ông Trương Văn Pha	Hết ranh đất bà Trương Thị Tươi	700
359	nt	Ranh đất ông Hồ Văn Chiếu	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Anh	550
360	Lộ dọc kênh Lung Trầm	Tuyến kênh Lung Trầm (Bờ Nam)		200
361	nt	Tuyến kênh Trung Tâm (Bờ Tây)		200
362	Khu Chợ Mới	Chợ Mới về các hướng 400m (Riêng hướng Đông hết ranh đất ông Hai Nguyễn)		750
363	Vàm kênh Mới	Vàm kênh Mới (Về hướng Đông)	Giáp ranh đất ông Phan Ngọc Hoàng	500
364	Lộ Rạch Răng - Sông Đốc	Giáp ranh xã Khánh Hưng	Cổng kênh Gita	700
365	nt	Cổng kênh Gita	Hết ranh đất ông Năm Hòa	850
366	nt	Hết ranh đất ông Năm Hòa	Cổng Trùm Thuật	900



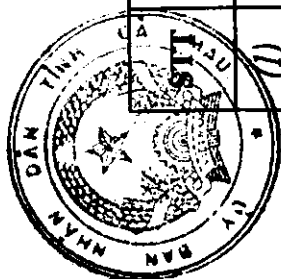
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
367	Lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Cổng Trùm Thuật	Giáp ranh thị trấn Sông Đốc	1.000
368	Lộ ô tô về Trung tâm xã Khánh Hải	Cổng Trùm Thuật	Hết ranh đất ông Trần Thế Vinh	900
369	nt	Hết ranh đất ông Trần Thế Vinh	Hết ranh đất ông Lâm Xuân Thành	700
370	nt	Hết ranh đất ông Lâm Xuân Thành	Hết ranh đất ông Lương Văn Phúc	850
371	nt	Hết ranh đất ông Lương Văn Phúc	Ngã tư kênh Trùm Thuật	1.000
372	Ngã tư Trùm Thuật	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Bắc)	Kênh Bờ Tre 300m (Bờ Đông)	650
373	Tuyến kênh Bờ Tre	Hết đoạn 300m kênh Bờ Tre (Bờ Đông)	Về hướng Bắc hết kênh Bờ Tre (Ranh đất ông Hồ Quốc Cường)	200
374	Ngã tư Trùm Thuật	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Bắc)	Kênh Bờ Tre 300m Bờ Tây	650
375	nt	Ngã tư Trùm Thuật (Bờ Tây)	Về hướng Nam 300m	900
376	Tuyến kênh Trùm Thuật (Bờ Tây)	Hết đoạn 300m (Bờ Tây ngã tư Trùm Thuật)	Tuyến lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	200
377	Lộ dọc kênh Ranh (Bờ Đông)	Hành lang lộ Rạch Ráng - Sông Đốc	Về hướng Bắc 500m	700
378	nt	Hết đoạn 500m	Hết kênh Ranh	200
379	Lộ dọc kênh Rạch Lùm	Giáp xã Khánh Hưng	Đến giáp đoạn 300m (Ngã tư Chủ Mía), bờ Tây	300
380	nt	Ngã tư Chủ Mía (Bờ Tây)	Về các hướng 300m	500
381	nt	Hết đoạn 200m (Ngã tư Chín Bộ)	Đến giáp đoạn 300m (Ngã tư Chủ Mía), bờ Tây	200
382	Ngã tư Chín Bộ	Ngã tư Chín Bộ	Về các hướng 200m	800
383	Ngã tư Chủ Mía	Ngã tư Chủ Mía (Bờ Đông)	Về các hướng (Nam, Bắc) 300m	250

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
384	Kênh Chủ Mía (Về hướng Tây)	Từ hết đoạn 300m	Hết kênh Chủ Mía (Bờ Nam)	200
385	Khu Làng Cá	Làng Cá kênh Tư	Hết khu đất Làng Cá kênh Tư (2 bên)	250
386	Vàm Bảy Ghe	Cổng Bảy Ghe	Về hướng Đông 300m (2 bên)	500
387	Kênh Bảy Ghe (Bờ Bắc)	Hết đoạn 500m (Trường Tiểu học 1 đi về kênh Bảy Ghe 500m)	Hết đoạn 300m (Vàm Bảy Ghe về hướng Đông 300m)	200
388	Kênh Mới (Bờ Nam)	Kênh Tư Thu	Giáp ranh đất ông Hai Nguyễn	200
389	Tuyến kênh Cây Sộp	Ranh đất ông Hồ Quốc Khánh	Hết kênh Cây Sộp	200
390	Tuyến kênh Ngang	Ranh đất ông Lê Quốc Tiến	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn To	200
	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m			200
9. Xã Lợi An				
391	Trung tâm xã	Cầu Vàm về hướng Đông (Trong đê)	Hết ranh đất Trịnh Hồng Hoa	600
392	nt	Đầu Vàm ông Tư về hướng Đông (Ngoài đê)	Hết đất liền (Theo Bờ kè)	600
393	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hội	Kênh xáng Lương Thế Trần	450
394	nt	Hết ranh đất Trịnh Hồng Hoa (Trong đê)	Hết ranh đất ông Cao Văn Trung	500
395	nt	Hết ranh đất ông Cao Văn Trung	Hết ranh đất ông Nguyễn Minh Hội	400
396	nt	Cầu lớn Vàm Ông Tư	Kênh Biền Dê (Hết đất ông Nguyễn Minh Hòa)	500
397	nt	Hết ranh đất ông Cao Hoàng Định	Hết ranh đất ông Lê Minh Quang	500
398	nt	Cầu vàm về hướng Tây (Ngoài đê)	Hết ranh đất bà Lê Thị Sang	500



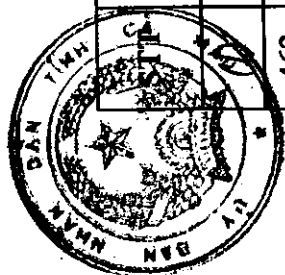
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ (3)	Đến (4)	
(1)	(2)			(5)
399	Trung tâm xã	Cầu vòm về hướng Tây (Trong đê)	Cầu Phát Thạnh	500
400	nt	Đất ông Lê Hữu Phước (Mép hướng Nam lộ nhựa)	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Lụa	500
401	nt	Đất ông Lê Phước Hữu (Mép hướng Bắc, lộ nhựa)	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Lụa	500
402	nt	Cầu mới Vàm Ông Tự (Đi hướng sông Ông Đốc)	Giáp lộ đê bê tông 3m (Hai bên)	500
403	Ngã ba Tắc Thủ	Trụ đèn giao thông về hướng Cà Mau	Hết ranh đất bà Văn Thị Hồng Tím	500
404	nt	Hết ranh đất bà Văn Thị Hồng Tím	Giáp ranh thành phố Cà Mau	400
405	nt	Ngã ba trụ đèn về hướng Sông Đốc (Ngoài đê)	Đến hết khu quy hoạch cụm dân cư	500
406	nt	Đầu đê sông Tắc Thủ (Nhà ông Khiêm)	Kênh xáng Lương Thế Trăn (Trong đê)	350
407	nt	Hết khu quy hoạch cụm dân cư	Kênh xáng Lương Thế Trăn (Ngoài đê)	300
408	KX Lương Thế Trăn	Đầu vàm kênh xáng (Bờ Đông)	Giáp ranh thành phố Cà Mau	500
409	nt	Đầu vàm kênh xáng (Bờ Tây)	Giáp ranh huyện Cái Nước	400
410	Tuyến Lộ về Trung tâm xã (Ngoài đê)	Ranh đất Lê Thị Sang	Giáp ranh Nghĩa Trang Liệt sĩ huyện (Ngoài đê)	300
411	nt	Giáp ranh Nghĩa trang Liệt sĩ huyện (Ngoài đê)	Vàm Rạch Lãng	500
412	nt	Vàm Rạch Lãng	Giáp ranh xã Phong Lạc	300
413	nt	Cầu Phát Thạnh	Giáp ranh Nghĩa trang Liệt sĩ huyện (Trong đê)	400

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Giá đất năm 2015
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
414	Tuyến Lộ về Trung tâm xã (Ngoài đê)	Hết ranh Nghĩa trang Liệt sỹ huyện (Trong đê)	Giáp Vàm Rạch Lằng		600
415	nt	Vàm Rạch Lằng	Giáp ranh xã Phong Lạc (Trong đê)		500
416	Tuyến mé sông Rạch Răng	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Năm	Giáp ranh Nghĩa trang Liệt sỹ huyện		400
417	nt	Hết ranh Nghĩa trang Liệt sỹ huyện	Giáp Cầu Treo Rạch Răng		800
418	nt	Cầu Treo Rạch Răng	Vàm Rạch Lằng		600
419	Tuyến lộ đi Quốc Lộ 1A	Cầu Bến phà (Hướng đi Quốc Lộ 1A, bờ Nam)	Cầu Rạch Lằng		550
420	nt	Cầu Rạch Lằng (Hướng đi Quốc Lộ 1A, bờ Nam)	Giáp ranh xã Hưng Mỹ		450
421	nt	Cầu Bến phà (Hướng đi Quốc Lộ 1A, bờ Bắc)	Giáp ranh xã Hưng Mỹ		300
422	Tuyến đê Tắc Thủ - Phường 8	Đầu đê giáp khu quy hoạch cụm dân cư	Giáp Phường 8 - TP Cà Mau		300
	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m				200
10. Xã Phong Lạc					
423	Lộ Phong Lạc - Phong Điền (Trong đê)	Giáp xã Lợi An	Cầu Rạch Bàn		500
424	Lộ Phong Lạc - Phong Điền (Trong đê)	Cầu Rạch Bàn (Nhà ông Trương Tấn Đạt)	Cầu kênh Chông Mỹ - Giáp ranh xã Phong Điền (Nhà ông Phan Văn Thảo)		400
425	nt	Giáp xã Lợi An	Hết ranh đất Trường THCS Phong Lạc		300



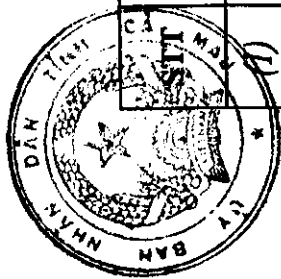
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
426	Lộ Phong Lạc - Phong Điền (Trong đê)	Đất Trường THCS Phong Lạc	Hết ranh đất ông Tô Văn Tái (Cầu Rạch Bần)	800
427	nt	Cầu Rạch Bần (Ranh đất ông Trần Văn Hòn)	Hết ranh đất ông Phạm Ngọc Mừng	300
428	Lộ Phong Lạc - Phong Điền (Ngoài đê)	Hết ranh đất ông Trương Tấn Phát	Hết ranh đất ông Ngô Văn Tây (Giáp xã Phong Điền)	300
429	Áp Công Bình	Ranh đất ông Phan Văn Ân	Hết ranh đất ông Tạ Văn Trăn	300
430	nt	Ranh đất ông Thái Văn Chuẩn	Hết ranh đất ông Trần Văn Kén	300
431	nt	Ranh đất bà Tống Thị Niên	Hết ranh đất ông Phan Văn Miên	300
432	nt	Ranh đất ông Trần Văn Kén	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mộng	250
433	nt	Đầu kênh Công Bình (Nhà ông Tạ Văn Trăn)	Cuối kênh Công Bình (Đất ông Tạ Văn Trăn)	200
434	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Tùng	Hết ranh đất bà Tống Thị Niên	200
435	nt	Đầu kênh Chông Mỹ (Nhà ông Phan Văn Thảo)	Cuối kênh Chông Mỹ (Đất ông Phan Văn Miên)	200
436	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Lăng	Hết ranh đất ông Dương Hương Càng	200
437	nt	Ranh đất ông Trần Việt Quốc	Hết ranh đất ông Phan Văn Đạo	200
438	nt	Ranh đất ông Hà Văn Bò	Hết ranh đất ông Dương Hương Càng	200
439	Áp Công Bình	Ranh đất ông Nguyễn Văn Mộng	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Trung	120
440	nt	Ranh đất ông Mai Văn Kháng	Hết ranh đất bà Thái Thị Diệp	120
441	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Thiệu	Hết ranh đất ông Mai Văn Thuận	120
442	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đò	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tăng	300

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
443	Áp Rạch Bần	Cầu Gạch Bần	Hết ranh đất ông Phan Văn Ngóan (Áp Gạch Bần)	200
444	nt	Cầu Gạch Bần	Hết ranh đất ông Tô Hùng	500
445	nt	Ranh đất ông Phan Văn Ngóan	Hết ranh đất ông Lâm Văn Khùng	200
446	nt	Hết ranh đất ông Lâm Văn Khùng	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Khoa	120
447	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bé	Hết ranh đất ông Thái Văn Hùng	200
448	Áp Đất Cháy	Ranh đất ông Trương Văn Tấn	Hết ranh đất bà Trần Thị Tàn	120
449	nt	Ranh đất ông Ngô Mười Ba	Hết ranh đất ông Ngô Hoàng Thanh	120
450	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Kiên	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nho	120
451	nt	Ranh đất ông Đào Văn Hòa	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Khanh	120
452	Áp Đất Cháy	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nho	Hết ranh đất ông Phan Văn Cảnh	120
453	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Khanh	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Nhân	120
454	Áp Tân Lập	Ranh đất ông Phan Hoàng Em	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tiềm	120
455	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tiềm	Hết ranh đất ông Dương Văn Hiếu	120
456	nt	Hết ranh đất ông Dương Văn Hiếu	Hết ranh đất ông Lê Phi Long	120
457	nt	Hết ranh đất ông Lê Phi Long	Hết ranh đất ông Võ Văn Núi	120
458	nt	Ranh đất ông Đào Văn Sĩ	Hết ranh đất ông Tô Văn Hùng	120
459	nt	Ranh đất ông Tô Văn Tồn	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Dân	120
460	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Phương	Hết ranh đất bà Lý Thị Lan	120
461	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Nhân	Hết ranh đất ông Ngô Văn Cường	120



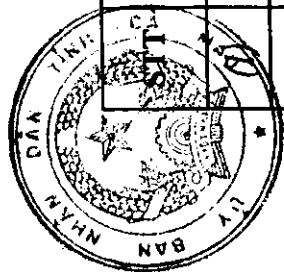
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
462	Áp Tân Lập	Hết ranh đất bà Lý Thị Lan	Hết ranh đất ông Mai Văn Nở	120
463	nt	Ranh đất ông Trần Văn Tuấn	Hết ranh đất bà Hồng Thị Út	120
464	nt	Ranh đất ông Ngô Văn Góp	Hết ranh đất ông Thạch Hai	120
465	nt	Ranh đất ông Ngô Văn Khởi	Hết ranh đất ông Trần Văn Sự	120
466	nt	Hết ranh đất ông Mai Văn Nở	Hết ranh đất ông Dương Văn Trần	120
467	nt	Hết ranh đất bà Hồng Thị Cúc	Hết ranh đất ông Trần Văn Đồng	120
468	nt	Ranh đất ông Trần Văn Út	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng	120
469	Áp Lung Trường	Ranh đất ông Đỗ Thanh Bình	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Miên	120
470	nt	Ranh đất ông Hồ Việt Cường	Hết ranh đất ông Trần Văn Tiến	120
471	nt	Ranh đất ông Trần Văn Đua	Hết ranh đất bà Võ Thị Hương	120
472	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Miên	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nhật	120
473	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nhật	Hết ranh đất ông Huỳnh Thị Nho	120
474	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Võ	Hết ranh đất ông Trương Văn Trang	120
475	nt	Ranh đất ông Trần Văn Đua	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Phát	120
476	nt	Hết ranh đất ông Trần Văn Tiến	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nghĩa	120
477	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Quán	Hết ranh đất ông Trần Văn Nào	120
478	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Nghĩa	Hết ranh đất ông Trần Văn Nào	120
479	nt	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Phát	Hết ranh đất ông Nguyễn Trường Giang	120
480	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Võ	Hết ranh đất bà Nguyễn Thị Thu	120
481	Áp Lung Dông	Ranh đất ông Nguyễn Văn Biên	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Việt	120

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
482	Ấp Lũng Dòng	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Việt	Hết ranh đất ông Trần Minh Diệu	120
483	nt	Ranh đất ông Thái Văn Nam	Hết ranh đất ông Thái Văn Tuấn	120
484	Ấp Tân Lợi	Ranh đất ông Lê Bá Nghĩa (Đầu kênh Ba)	Hết ranh Trường Tiểu học Phong Lạc IV	120
485	nt	Trường Tiểu học Phong Lạc IV	Hết ranh đất ông Hà Văn Lọng	120
486	nt	Hết ranh đất ông Hà Văn Lọng	Cuối kênh Ba (Hết ranh đất bà Hồ Thị Liên)	120
487	nt	Ranh đất bà Đào Thị Bông (Đầu kênh Tư)	Hết ranh đất ông Dương Văn Hòa	120
488	nt	Hết ranh đất ông Dương Văn Hòa	Hết ranh đất ông Đặng Văn Dũng	120
489	nt	Hết ranh đất ông Đặng Văn Dũng	Cuối kênh Tư (Hết ranh đất ông Phạm Văn Hùng)	120
490	nt	Ranh đất ông Diệp Văn Sơn	Hết ranh đất ông Đỗ Thị Đàm	120
491	nt	Ranh đất ông Nguyễn Hồng Thanh	Hết ranh đất ông Trần Văn Tùng	120
492	nt	Ranh đất ông Trần Văn Thi	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Mười	120
493	nt	Ranh đất ông Bùi Văn Cảnh	Hết ranh đất ông Trần Văn Hón	120
494	Ấp Rạch Bần B	Ranh đất ông Trần Văn Hón	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Chiến	300
495	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Luận	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Bé	200
496	nt	Ranh đất ông Thái Văn Chuẩn	Hết ranh đất ông Lưu Văn Rọt	200
497	nt	Hết ranh đất ông Lưu Văn Rọt	Hết ranh đất ông Võ Minh Luân	110
498	nt	Ranh đất ông Huỳnh Kha Ly	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Phong	110

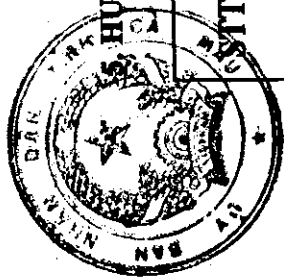


Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
Áp Rạch Bàn B	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Phong	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tô	110
nt	Ranh đất ông Trần Văn Kiém	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tung	110
nt	Ranh đất ông Thái Văn Ngộ	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đại	120
nt	Ranh đất ông Thái Văn Thi (Miếu Thần Hoàng)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tiết	120
nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tiết	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Búi (Vàm Lung Dông)	120
nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Đại	Hết ranh đất ông Trần Văn Vinh	120
nt	Ranh đất ông Thái Văn Thi	Hết ranh đất ông Nguyễn Hữu Hạnh	110
nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Hữu Hạnh	Hết ranh đất bà Trần Thị Lợi	110
Áp Tân Bằng	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đức	Hết ranh đất ông Đào Văn Tiến	120
nt	Ranh đất bà Trần Thị Bền	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Danh	110
nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Khuyến	Hết ranh đất ông Phù Văn Đức	110
nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Lý	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lam	110
nt	Ranh đất bà Nguyễn Thị Xua	Hết ranh đất bà Võ Thị Hết	110
nt	Ranh đất bà Sừ Kim Dung	Hết ranh đất ông Đỗ Giai Phóng	110
nt	Ranh đất ông Mai Văn Đẹp	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Ngay	110
nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Kiến	Hết ranh đất ông Trương Văn Be	110
Áp Tân Thành	Ranh đất bà Nguyễn Thị Lợi	Hết ranh đất ông Dương Văn Nhứt	110
nt	Ranh đất ông Trần Văn Dũng	Hết ranh đất bà Huỳnh Thị Thu	120
nt	Ranh đất ông Lê Văn Công	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Công	110

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
518	nt	Ranh đất ông Trần Văn Cảnh	Hết ranh đất ông Trần Văn Lương	110
519	nt	Ranh đất ông Trần Văn Thiện	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Mây	110
520	nt	Ranh đất ông Võ Văn Tổng	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Trù	110
521	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Lực	Hết ranh đất ông Trần Văn Đô	110
522	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Đáng	Hết ranh đất ông Lâm Văn Tổng	120
523	nt	Hết ranh đất ông Dương Văn Nhựt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hôn	110
524	Áp Rạch Bân B - Áp Công Bình	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Chiến	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Việt	300
	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m			
				200
1.1. Xã Phong Điền				
525	Tuyến trung tâm xã	UBND xã về hướng Đông	Hết ranh đất Trường Mầm non	800
526	nt	Nhà Bia ghi danh về hướng Nam	Hết ranh đất Hãng nước đá Trường Sơn 6	1.000
527	nt	Ranh đất ông Trần Văn Leo	Kênh Công Điền Giữa	600
528	nt	Ranh đất ông Phan Văn Kỳ	Hết ranh đất ông Lý Văn Duyên (Bờ Đông)	400
529	nt	Ranh đất ông Dương Văn Thành	Kênh Chông Mỹ	200
530	nt	Ranh đất ông Trần Văn Đắc	Hết ranh đất ông Trương Thanh Giang	900
531	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Được	Giáp ranh xã Phong Lạc (Trung đê)	500
532	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Bình	Hết ranh đất ông Phan Văn Sơn	200
533	nt	Ranh đất ông Trần Văn Mật	Hết ranh đất ông Phan Văn Linh	200



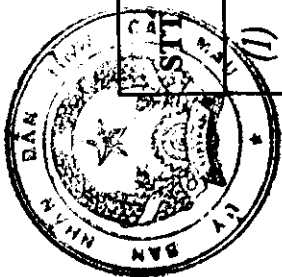
	Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ (3)	Đến (4)	
534	Tuyến trung tâm xã	Ranh đất ông Trịnh Hữu Huy	Kênh Dầu Xáy (Hết ranh đất ông Ngô Tấn Môn)	700
535	nt	Kênh Bảy Thanh	Kênh Lựu Đạn (Tuyến ven sông)	500
536	nt	Kênh Lựu Đạn	Kênh Dân Xáy (Tuyến ven sông)	500
537	nt	Kênh Dân Xáy	Hết ranh đất Nguyễn Văn Thu	300
538	Tuyến đê Trung Ương (Đê Tà)	Kênh xáng Bà Kẹo	Kênh Bảy Thanh (Giáp Thị trấn Sông Đốc)	400
539	Tuyến Rẫy mới - Mỹ Bình	Ranh đất ông Phan Út Chín	Hết ranh đất ông Trần Văn Nhiều	300
540	Tuyến Rạch Vinh	Cầu Dầu Sáu (Áp Mỹ Bình)	Hết ranh đất ông Nguyễn Như Ý	300
541	Tuyến lộ Trung tâm xã	Từ đầu lộ nhựa tiếp giáp Sông Đốc (Ranh đất ông Mười Đệt)	Ngã 3 (Hướng về huyện)	1.000
	Các tuyến lộ bê tông còn lại có chiều ngang từ 1,5 - 2,5m			200
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		100
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		70



HUYỆN CÁI NƯỚC

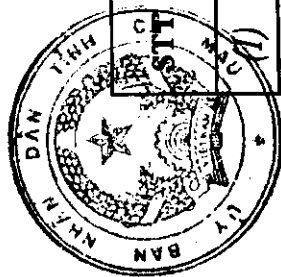
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Xã Lương Thế Trân				
1	Lộ Cà Mau - Đầm Dơi	Quốc lộ 1A	Hết ranh đất Công ty cổ phần thực phẩm thủy sản Cà Mau	1.100
2	nt	Hết ranh đất Công ty cổ phần thực phẩm thủy sản Cà Mau	Đập Hai Thông	900
3	nt	Đập Hai Thông	Đập Ông Buồ	900
4	nt	Đập Ông Buồ	Bến phà Hoà Trung	900
5	Tuyến Đê Đồng Cái Nước	Bến phà Hoà Trung	Cống Giải Phóng (Đê Đông)	250
6	Kênh Hai Mai	Lộ Cà Mau - Đầm Dơi	Ngã ba đường Gạo	200
7	nt	Ngã ba đường Gạo	Ngã ba Tư Kía	150
8	Kênh Cây Bóm	Ngã ba đường Gạo	Cầu Nhà Thờ Cây Bóm	150
9	Kênh Bào Kè	Quốc lộ 1A	Ngã Ba Láng	150
10	nt	Ngã Ba Láng	Cầu Tư Đức	110
11	nt	Cầu Tư Đức	Ngã Ba Út Đeo	110
12	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cầu Lương Thế Trân	Lộ quy hoạch khu công nghiệp	1.350
13	nt	Lộ quy hoạch khu công nghiệp	Cống Bà Bèo	1.350
14	nt	Cống Bà Bèo	Kinh Giữa	1.350
15	Xa Lương Thế Trân	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		150

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
2. Xã Thanh Phú				
16	Lộ Lưng lá Nhà Thề	Quốc lộ 1A	Giáp ranh trường mẫu giáo	1.700
17	nt	Giáp ranh trường mẫu giáo	Cầu Trần Quốc Toàn	1.100
18	Lộ Lưng lá Nhà Thề	Cầu Trần Quốc Toàn	Hết ranh khu di tích Lưng lá - Nhà Thề	300
19	Kênh xáng Lương Thế Trân	Quốc lộ 1A	Giáp ranh huyện Trần Văn Thời	300
20	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cầu Lương Thế Trân	Lộ quy hoạch khu công nghiệp	1.350
21	nt	Lộ quy hoạch khu công nghiệp	Cống Bà Bèo	1.350
22	nt	Cống Bà Bèo	Cống Cái Nhum	1.350
23	nt	Cống Cái Nhum	Cống Vĩnh Gáo	1.700
24	nt	Cống Vĩnh Gáo	Cống Nhà Phấn	1.700
25	nt	Cống Nhà Phấn	Cống Nhà Phấn + 300m	800
26	nt	Cống Nhà Phấn + 300m	Cầu Tân Đức	800
27	Xã Thanh Phú (Lộ bê tông)	Quốc lộ 1A	Chùa Hưng Nhom	700
28	nt	Phía sau trụ sở UBND xã Thanh Phú (cũ)		700
29	Lộ bê tông	Phía sau nhà lồng chợ xã Thanh Phú	Giáp ranh đất Ông Tám Vĩnh	700
30	Xã Thanh Phú	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		150
3. Xã Phú Hưng				
31	Chợ Đức An	Quốc lộ 1A	Cầu 6 Hiệp	500
32	Khu Dân cư ấp Cái Rắn A	Hết khu		300



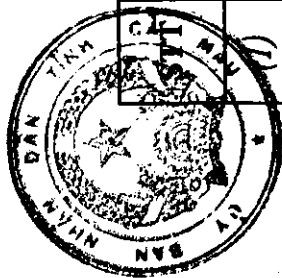
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
33	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cầu Tân Đức	Cây xăng Phú Hưng	700
34	nt	Cây xăng Phú Hưng	Hết ranh trường cấp III Phú Hưng	700
35	nt	Hết trường cấp III Phú Hưng	Lộ liên huyện về Trần Văn Thời	550
36	Đổi diện lộ liên huyện về Trần Văn Thời	Quốc lộ 1A	Giáp ranh Trần Văn Thời	110
37	Đường ô tô về xã Tân Hưng	Quốc lộ 1A	Cầu Đức An + 300m	350
38	nt	Cầu Đức An + 300m	Ranh xã Tân Hưng	300
39	Lộ nhà thờ Cái Rán	Quốc lộ 1A	Nhà thờ Cái Rán	300
40	Xã Phú Hưng	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		150
4. Xã Hưng Mỹ				
41	Khu chợ Rau Dừa cũ	Khu chợ phía Bắc (Chợ Rau Dừa cũ)	Hết khu	850
42	Khu chợ Rau Dừa	Khu chợ phía Nam	Hết Khu	900
43	Khu dân cư	Khu dân cư (Lô 13 + 14)	Hết Khu	450
44	Lộ liên huyện về Trần Văn Thời	Quốc lộ 1A	Giáp ranh Trần Văn Thời	300
45	Lộ Rau Dừa - Tân Hưng	Ngã Tư Sông Rau Dừa	Cổng Cái Giếng	200
46	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Lộ liên huyện về Trần Văn Thời	Giáp ranh Bưu điện xã Hưng Mỹ	600
47	nt	Giáp ranh Bưu điện xã Hưng Mỹ	Cầu Rau Dừa + 500m (Trừ khu chợ phía Nam)	850
48	nt	Cầu Rau Dừa + 500m	Cổng Sư Liệu	600

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
49	Đường ô tô về trung tâm xã	Cầu Cai Bắn	Hết ranh UBND xã Hưng Mỹ	250
50	Xã Hưng Mỹ	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		150
5. Xã Tân Hưng				
51	Lộ ấp Phong Lưu	Cầu kênh xáng Đông Hưng	Hết ranh trường THCS Tân Hưng	300
52	Lộ ấp Phong Lưu	Giáp đường ô tô về trung tâm xã (Trụ sở UBND xã Tân Hưng)	Kênh Tùng Hựu	300
53	Lộ ấp Tân Hòa	Cầu Bộ Mão	Trạm Y Tế xã	300
54	nt	Trạm Y Tế xã	Cầu Phan Văn Tám	300
55	Khu dân cư phía sau chợ Tân Hưng	Chợ cũ	Giáp đường ô tô TT xã Tân Hưng	400
56	Khu chợ xã Tân Hưng	Giáp ranh đất Ông Hồ Văn Nhon	Hết ranh đất bà Đặng Thị Thà	600
57	Đường ô tô về trung tâm xã Tân Hưng	UBND xã Tân Hưng	Cầu Cửa Gà	350
58	nt	Cầu Cửa Gà	Giáp ranh xã Phú Hưng	300
59	Xã Tân Hưng	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		150
6. Xã Hoà Mỹ				
60	Quốc lộ 1A	Cổng Su Liệu	Cổng Đá	500
61	Đường ô tô về xã Hòa Mỹ	Cầu Hòa Mỹ	Hết khu thiết chế văn hóa xã	300
62	Xã Hoà Mỹ	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		150
7. Xã Tân Hưng Đông				
63	Lộ công đá Kênh Tư	Quốc lộ 1A	Cầu kênh Láng Tượng	300
64	nt	Cầu kênh Láng Tượng	Đầu kênh Bến Địa	250

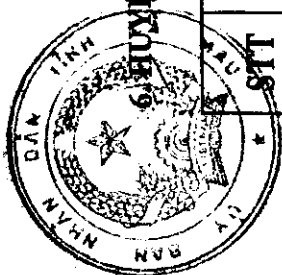


Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015	
	Từ	Đến		
(2)	(3)	(4)	(5)	
65	Đường vào UBND xã cũ	Quốc lộ 1A	Kênh xáng Lộ Xe	450
66	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Cổng Đá	Cách UBND xã Tân Hưng Đông: 250m	500
67	nt	Cách UBND xã Tân Hưng Đông: 250m	UBND xã Tân Hưng Đông + 250m	650
68	nt	UBND xã Tân Hưng Đông + 250m	Giáp ranh Trạm Biến Điện 110 kv	600
69	Quốc Lộ 1A theo hướng Cà Mau - Năm Căn	Giáp ranh Trạm Biến Điện 110 kv	Giáp ranh Nghĩa Trang	1.050
70	Đường kênh Ráng	Từ trạm y tế	Giáp ranh trường Tân Tạo	200
71	Xã Tân Hưng Đông	Các đoạn tuyến lộ bề tổng còn lại từ 1,5m đến 2m		150
8. Xã Đông Thới				
72	Lộ Tân Duyệt (Tên cũ: Lộ Cái Nước - Tân Duyệt)	Đập Ông Phụng	Cổng Hai Luom	250
73	Tuyến Đê Đông (Tên cũ: Tuyến Đê Đông Cái Nước)	Đập Giáo Hồ	Đập nhà Thỉnh A	200
74	Kênh xáng Đông Hưng	Ngã tư Rạch Dục	Đập Giáo Hồ	150
75	Tuyến sông Cái Cắm (Bên nhà thờ)	Cầu Hiệp Thông	Cầu Kinh Hué	200
76	Xã Đông Thới	Các đoạn tuyến lộ bề tổng còn lại từ 1,5m đến 2m		150
9. Xã Đông Hưng				
77	Cụm dân cư Tân Phong	Cụm dân cư Tân Phong	Hết Cụm	350
78	Tuyến Đê Đông	Đập nhà Thỉnh A	Giáp ranh xã Tân Hưng	200
79	Lộ Tân Duyệt	Cổng Hai Luom	Bến phà Giá Ngụ	250

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
80	Lộ nhựa Tân Phong	Tuyến Đê Đông	Cầu Kênh Tắt	250
81	Đường vào UBND xã	Giáp đường ô tô về trung tâm xã	Giáp Sân Chim Chà Là	200
82	Xã Đông Hưng	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		150
10. Xã Trần Thới				
83	Quốc lộ 1A	Giáp ranh thị trấn Cai Nước	Cách Xi nghiệp Nam Long 300m	600
84	nt	Cách Xi nghiệp Nam Long 300m	Giáp ranh Xi nghiệp Nam Long	800
85	nt	Giáp ranh Xi nghiệp Nam Long	Bến Phà Đầm Cùng	1.100
86	Lộ Cai Nước - Phú Tân	Đập Cây Dương	Giáp ranh huyện Phú Tân	300
87	Đường vào UBND xã Trần Thới	Bến phà Đầm Cùng	Hết ranh UBND xã Trần Thới	2.300
88	Khu vực chợ xã Trần Thới	Hết ranh UBND xã Trần Thới	Hết ranh Trạm Y Tế	1.150
89	nt	Hết ranh Trạm Y Tế	Hết ranh bến Nhà Máy Nước Đá Tân Đại	650
90	Lộ trung tâm xã	Quốc lộ 1A	Hết ranh trạm y tế	1.100
91	nt	Lộ Trung tâm xã	Hậu dãy nhà UBND xã Trần Thới	1.100
92	Khu Tái định cư cầu Đầm Cùng	Những dãy giáp mặt tiền lộ trung tâm xã và khu vực chợ xã Trần Thới (Đoạn từ UBND xã đến trạm Y tế)		1.150
93	nt	Những dãy còn lại phía trong		1.000
94	Tuyến kênh Sáng	Quốc lộ 1A	Cổng Bảo Châu	250
95	Quốc lộ 1A	Cách Xi nghiệp Nam Long 300m	Đốc cầu Đầm Cùng	1.100
96	Tuyến lộ theo sông Bảy Háp	Bến phà Đầm Cùng (Quốc lộ 1A cũ)	Cây xăng Bảo Châu	250
97	Xã Trần Thới	Các đoạn tuyến lộ bê tông còn lại từ 1,5m đến 2m		150



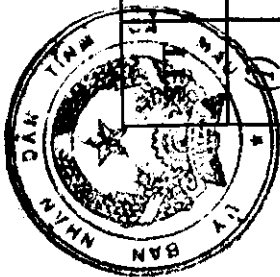
Đường, tuyến lộ, khu vực (2)	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
	Từ (3)	Đến (4)	
Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		(5)
	Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		100
			70



6. HUYỆN PHÚ TÂN

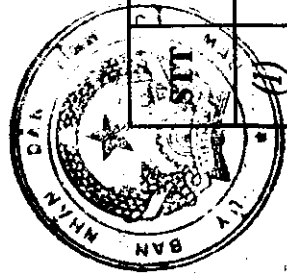
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Xã Phú Thuận				
1	Khu trung tâm xã	Ranh đất ông Giang	Hết ranh đất bà Mỹ Nhung (2 bên)	350
2	nt	Ranh đất ông Khá (Phước)	Trạm y tế xã (2 bên)	450
3	nt	Trạm y tế xã	Hàng nước đá	300
4	nt	Giáp ranh hàng nước đá	Đến hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Phương	250
5	nt	Ranh đất ông Võ Văn Đèo	Ngã ba về Cái Nước (2 bên)	500
6	nt	Ngã ba về Cái Nước (Tuyến lộ xe)	Cầu Vàm Đình (2 bên)	350
7	nt	Ranh đất ông Quán	Ngã ba sông về Cái Nước	350
8	Tuyến đường Vàm Đình - Cái Chim	Ngã ba về Quốc lộ 1A	Hết ranh đất ông Lâm Chì	450
9	nt	Hết ranh đất ông Lâm Chì	Đập Cái Chim	300
10	Phía xã cũ	Đình thần Vàm Đình	Hết ranh đất ông Huỳnh Phúc Lâm	250
11	Khu vực chợ Giáp Nước	Tượng đài Liệt sỹ	Đập Giáp Nước (Nhà ông Thi Công Đá)	200
12	nt	Tượng đài Liệt sỹ	Trạm y tế cũ	150
13	nt	Ranh đất nhà bà Nguyễn Thị No	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Cao (Chệt Cao)	150
14	nt	Cây xăng ông Huỳnh Hoàng Thắng (Nhà bà Tám bán com)	Đảm Thị Tường, 2 bên (Hết ranh đất ông Trung)	150

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	(5)	
(1)	(2)	(3)	(4)		
15	Khu vực chợ Giáp Nước	Đập Giáp Nước	Cây xăng ông Huỳnh Hoàng Thắng (Nhà bà Tám bán cơm)		200
16	Tuyến kênh Bến Đìa - kênh Chống Mỹ	Kênh Bến Đìa	Kênh Chống Mỹ		110
17	Tuyến sông Giáp Nước - kênh Bến Đìa	Ngã ba sông Giáp Nước	Đầu kênh Bến Đìa		150
18	Đầu sông Bến Đìa - Đầm Thị Tường	Cầu Bến Đìa	Giáp ranh xã Phú Mỹ (Nhà ông Nguyễn Văn Thanh)		200
19	Tuyến kênh Thọ Mai	Nhà ông Nguyễn Văn Lâm (Bãi cát đá)	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Kíp		200
20	Tuyến kênh Vàm Đình - Cái Nước	Nhà ông Nguyễn Văn Diên	Hết ranh đất ông Nguyễn Lữ Hiền		200
21	Khu Trung tâm xã	Ranh đất ông Phương	Cầu Vàm Đình		110
22	Phía xã cũ	Hết ranh đất ông Phúc Lâm	Cầu sắt (Nhà ông Nguyễn Văn Cẩn)		150
2. Xã Phú Mỹ					
23	Khu vực Ba Tiêm	Trường THCS Nguyễn Vĩnh Nghiệp II	Hết ranh Trường trung học Phú Mỹ		200
24	Khu vực Vàm Xáng	Phía trước bưu điện xã Phú Mỹ	Hết ranh đất ông Khên		200
25	Kênh xáng Thọ Mai	Kênh xáng Thọ Mai	Hết ranh đất bà Tám Nguyệt Lệ		240
26	Khu căn cứ Tỉnh ủy	Ranh đất khu căn cứ Tỉnh ủy	Hết ranh đất ông Minh		200
27	Khu căn cứ Tỉnh ủy	Hết ranh đất ông Minh	Về vàm kênh xáng Thọ Mai		200
28	nt	Khu căn cứ Tỉnh ủy	Hết ranh đất ông Giang		200
29	nt	Hết ranh đất ông Giang	Ngã ba Đầm Thị Tường (Hết ranh đất ông Thắng)		200



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
30	Tuyến kênh Bà Kỳ	Ngã tư kênh Bà Kỳ	Trường tiểu học cơ sở Phú Mỹ 3	120
31	nt	Đầu ngã tư kênh Bà Kỳ	Kênh Đồn Dong	110
32	Tuyến trường TH Phú Mỹ 2 đến giáp ranh xã Phú Thịnh (Tên cũ: Tuyến trường TH Phú Mỹ 2 ngã ba kênh Chôm Mã)	Trường Tiểu học Phú Mỹ 2	Đầu cầu sắt (Giáp ranh xã Phú Thuận)	150
33	Tuyến Ngã ba kênh Bà Kỳ đến Kênh Ba Pha	Ngã ba kênh Bà Kỳ	Kênh Ba Pha	110
34	Tuyến kênh Đê Quốc Phòng	Kênh đê Quốc Phòng	Đến ranh đất ông Nguyễn Thành Trung	110
35	Ranh đất ông Khen đến đầu kênh Nước Mặn	Hết ranh đất ông Khen	Kênh Nước Mặn	200
36	Từ cuối kênh Quốc Phòng đến Lung Cản Thơ	Cuối Kênh đê Quốc Phòng	Lung Cản Thơ	110
37	Tuyến Ngã tư số 1 đến Cổng Ba Tiệm	Ngã tư số 1	Cổng Ba Tiệm	110
38	Đất ông Chánh đến cầu rạch Lung Chim	Ranh đất ông Trần Văn Chánh	Cầu rạch Lung Chim	110
39	Tuyến ngã tư kênh Bà Kỳ đến ranh đất ông Minh	Ngã tư kênh Bà Kỳ	Hết ranh đất Ông Minh	110
40	Tuyến bà Kỳ nghĩa	Đầu kênh xáng Thọ Mai	Hết ranh đất nhà ông Trần Văn Chánh	120
41	Tuyến kênh 5	Ngã tư Bà Kỳ	Kênh Phú Thạch (Giáp ranh xã Phú Thuận)	120

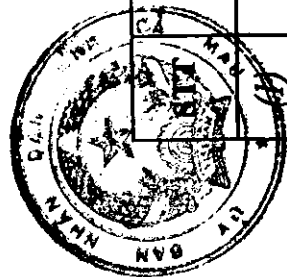
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
3 Xã Phú Tân				
42	Đường số 1	Tìm nhà lòng chợ cũ (Về hướng Đông)	Hàng rào Trường Cấp III (Ranh đất ông Mười Bốn)	1.700
43	nt	Tìm nhà lòng chợ cũ (Về hướng Tây)	Hết ranh đất ông Dũng - Thủy	1.800
44	nt	Ranh đất ông Tráng (Tuyến sông) kéo dài	Hết ranh đất ông Hên, bà Ba Xi (2 bên)	1.400
45	nt	Trường tiểu học Phú Tân (vòng qua bên chợ mới) (Tên cũ: Ranh đất ông Sơn vòng qua bên Tân)	Hết ranh đất ông Phạm Hùng Tráng (ngã 3) (Tên cũ: Hết ranh Trụ sở ấp văn hóa (Ngã ba nhà ông Tráng))	1.200
46	nt	Hết ranh đất ông Dũng - Thủy	Hết ranh đất ông Sỹ Tuấn (2 bên)	1.000
47	nt	Trụ sở ấp Cái Đoi (2 bên)	Hàng rào trường Cấp III (Nhà ông 10 Bốn)	1.000
48	Đường số 1	Ranh đất ông Sỹ Tuấn (2 bên)	Ngã ba kênh xáng Miếu ông Cò (Nhà ông Sơn)	600
49	Đường số 2	Ngã ba (Nhà ông Khổng Kia)	Ngã 3 đất ông Bông Văn Liếp	500
50	nt	Ranh đất ông Minh Gù (2 bên)	Hết ranh đất ông Tú (Ngã ba Miếu Ông Cò)	800
51	nt	Hết ranh đất bà Nga	Hết ranh Nhà mở ngang trường cấp III (Mới)	250
52	Đường số 3	Đầu cầu nhà ông Đức	Đầu cầu nhà ông Hòa (2 bên)	1.400
53	nt	Đầu cầu (Hàng nước đá ông Hiil)	Đầu kênh Tân Điện nhà ông Quách Hôn (2 bên)	800
54	nt	Đầu cầu (Cuối nhà ông Hòa)	Hết ranh đất ông Võ Văn Gô (2 bên)	400



Huyện Phú Tân

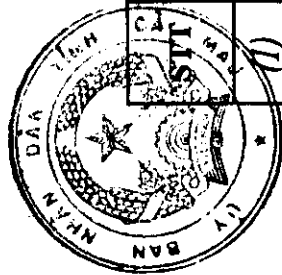
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
55	Đường số 3	Hết ranh đất ông Võ Văn Go	Đầu Kênh Đứng	200
56	Đường số 4	Đầu cầu nhà ông Năm Thiện (Phía trên bờ)	Ngã ba Cầu UBND xã Phú Tân	600
57	nt	Ngã ba cầu UBND xã Phú Tân	Hết ranh đất ông Sáu Báo (2 bên)	500
58	nt	Đầu cầu UBND xã Phú Tân	Ngã ba kênh Xáng	420
59	nt	Ngã ba kênh xáng (2 bên)	Đường vào kênh Xáng (Giáp ranh đất nhà ông Sáu Báo)	400
60	nt	Hết ranh đất ông Sáu Báo	Hết ranh đất ông út Xã	200
61	Các tuyến lộ khác	Đầu cầu nhà ông Dol (Bờ Nam)	Đầu kênh Đầu Sáu	200
62	nt	Đầu cầu (Nhà ông Tráng) bờ Bắc	Đầu kênh Xáng (Miếu ông Cò)	400
63	nt	Đầu kênh xáng (Nhà ông Tuấn)	Hết ranh đất ông Sáu Sinh	300
64	nt	Đầu cầu (Nhà ông Trãi)	Hết ranh đất ông Ba Hùng (2 bên)	150
65	Các tuyến lộ khác	Đầu cầu (Nhà ông Ba Lan)	Hết ranh đất ông Ba Hùng (2 bên)	200
66	nt	Ranh đất Ba Lan về Cống Đá (Bờ Nam)	Hết ranh đất ông Tám Xít	150
1 Xã Việt Thắng				
67	UBND xã đến cầu Cái Đài	UBND xã Việt Thắng	Hết ranh đất ông Ba Be (Về hướng cầu Bảo Châu, 2 bên)	400
68	nt	Hết ranh đất ông Ba Be	Cầu Bảo Châu	250
69	nt	Cầu Bảo Châu	Cầu Cá Đài	150
70	UBND xã đến đập Kiểm Lâm (Tuyến lộ cấp 6)	Cầu Đâu Lợi (Tên cũ: Cầu Độ Lợi)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tài	400

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
71	UBND xã đến đập Kiểm Lâm (Tuyến lộ cấp 6)	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tài	Cầu Dân Quân	200
72	nt	Cầu Dân Quân	Đập Kiểm Lâm	150
73	Khu Chợ Mới (Áp Hiệp Thành)			300
74	Khu Chợ Mới	Cầu Độ Lợi	Hết ranh Khu Chợ Mới	300
75	Kênh 30/4 - Bào Châu	Kênh 30/4	Lộ uỷ ban xã Cao Đài	110
76	Lung Cây Già đến kênh Kiểm Lâm	Lung Cây Già	Kênh Kiểm Lâm	110
77	Kênh Ba đến kênh So Đũa	Kênh Ba	Kênh So Đũa	110
5. Xã Tân Hưng (Thị trấn Tân Hưng)				
78	Cầu Kênh Mới đến chợ Cái Bát	Cầu Kênh Mới (Hướng Đông)	Về hướng chợ Cái Bát: 200m	120
79	Cầu Kênh Mới đến chợ Cái Bát	Cầu Kênh Mới từ mét 201	Cách cầu trạm y tế xã: 100m	110
80	nt	Cách cầu trạm y tế xã: 100m	Cầu trạm y tế xã	200
81	Cầu Kênh Mới đến chợ Cái Bát	Cầu trạm y tế xã	Hết ranh đất ông Tô Thành Khương	300
82	Trung tâm chợ Cái Bát	Cầu Cái Bát 2 bên (Khu vực chợ)	Rẽ qua cầu Kênh Ông Xe đến hết trường cấp I, II; trở lại trường mẫu giáo Hướng Dương (lộ cấp 6)	500
83	nt	Kênh Ông Xe Bò Bắc	Đường vào Trường mẫu giáo Hướng Dương	400
84	Trung tâm chợ Cái Bát	Kênh Ông Xe Bò Nam	Trường Tiểu học Tân Hưng Tây A	300
85	Các tuyến khác	Đường vào Trường mẫu giáo Hướng Dương (Hướng Bắc)	Hết ranh đất ông Tô Bình Ken	300
86	nt	Hết ranh đất ông Tô Bình Ken	Hết ranh đất ông Đỗ Thanh Hồng	120



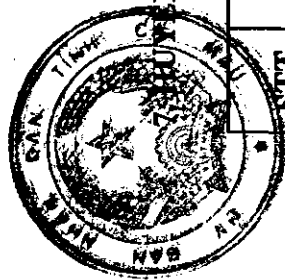
Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
87	Các tuyến khác	Ranh đất ông Nguyễn Văn Sứt	Về chùa Ngọc Ân (Cách 200m)
88	nt	Ranh đất ông Lý Thanh	Về cầu Trung ương Đoàn: 200m
89	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	Cầu Vàm Đình	Cầu kênh Đứng (Hương Nam)
90	nt	Cầu kênh Đứng	Cầu Bào Láng (Hương Nam)
91	Lộ Cái Nước - Cái Đôi Vàm	Cầu Vàm Đình	Hết ranh ông Phạm Văn Chàng
92	Tuyến kênh Ông Xe, phía Bắc	Ranh đất ông Đỗ Thanh Hồng	Hết ranh ông Đỗ Khắc Thời
93	Tuyến kênh Ông Xe, phía Nam	Trường Tiểu học Tân Hưng Tây A	Hết ranh Chùa Ngọc Ân
6. Xã Tân Hải			
94	Tuyến Bào Láng	Đầu kênh Bào Láng phía bên sông	Lộ huyện Vàm Đình - Cái Đôi Vàm
95	nt	Đầu kênh Bào Láng phía bên UBND xã	Lộ huyện Vàm Đình - Cái Đôi Vàm
96	Tuyến lộ huyện Vàm Đình - Cái Đôi Vàm (Hương Bắc)	Kênh Mới	Cổng Lung Heo
97	nt	Cổng Lung Heo	Kênh 90
98	Phía UBND xã (Tên cũ: UBND xã đến Đầu Sấu)	Cầu miếu ông Lò	Đầu kênh Đầu Sấu
99	nt	Đầu kênh Đầu Sấu	Đầu Kênh Tư
100	Tuyến lộ ven sông Cái Đôi	Trụ sở UBND xã Tân Hải	Hết khu Bình Hưng
101	nt	Hết khu Bình Hưng	Kênh 90
102	Đổi diện UBND xã (Hương Tây)	Ngang vàm Bến Đìa	Về hướng Cái Đôi Vàm: 500 m
103	Bến Đìa	Vàm Bến Đìa	Hết ranh Trường Cấp II (2 bên)

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Giá đất năm 2015
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
104	Xóm Trung	Ngang vàm Bến Địa	Đầu kênh Tân Điền		110
105	Kênh Mới	Đầu Kinh Mới	Đầu lộ huyện (2 bên)		110
106	Kênh Công Nghiệp	Đầu kênh Công Nghiệp	Cuối kênh Công Nghiệp		110
107	Tân Phong	Đầu kênh Cái Cắm	Cuối kênh Cái Cắm		110
108	Tân Điền	Đầu kênh Tân Điền	Cuối kênh Tân Điền		110
109	Kênh Thanh Bình	Đầu Séo Cạn	Lô hai Thanh Bình		110
7. Xã Rạch Chèo					
110	Trung tâm chợ Rạch Chèo	Đầu vàm Kênh Năm	Hết Rạch Chèo Ngọn		150
111	nt	Vàm Rạch Chèo	Về hướng trụ sở UBND xã: 200m (2 bên)		150
112	nt	Vàm Rạch Chèo + 200m	Trụ sở UBND xã Rạch Chèo (2 bên)		130
113	nt	Trụ sở UBND xã Rạch Chèo	Ven sông Bảy Háp theo chỉ giới quy hoạch		130
114	nt	Trụ sở UBND xã Rạch Chèo	Cách trụ sở UBND xã Rạch Chèo: 250m (Về hướng đầu Kênh 90, 2 bên)		130
115	nt	Cách trụ sở UBND xã Rạch Chèo: 250m (Về hướng đầu Kênh 90, 2 bên)	Đầu kênh 90		110
116	nt	Vàm Rạch Chèo Ngọn	Hết ranh Trường tiểu học Rạch Chèo		120
117	Tuyến Kênh 90	Vàm Kênh 90	Đê biển Tây (Phía Đông)		110
118	nt	Ngã ba Đường Ven (Phía Đông)	Cầu Kênh 90		110



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
119	Tuyến lộ huyện Vàm Đình - Cái Đôi Vàm (Hướng Nam)	Cầu Kênh 90	Cống Lung Heo	110
120	nt	Cống Lung Heo	Cầu Bào Láng	110
121	Kênh Năm (Về UBND xã Tân Hưng Tây)	Cầu Kênh 5	Cầu Cổng Mới	110
122	nt	Cầu Cổng Mới	Bùn bình Cái Bát	110
123	Kênh 5	Vàm Kênh 5	Đầu kênh Tư Gà	110
8. Xã Nguyễn Việt Khái				
124	Khu trung tâm xã	Cửa Gò Công	Trạm Y tế	200
125	nt	Cầu UBND xã	Cầu Rạch Lạc Nhỏ phía trên bờ	200
126	nt	Giáp Khu tái định cư	Ban quản lý Rừng Phòng hộ Sào Lưới	110
127	Khu dân cư Gò Công (Khu Cù Lao)			150
128	- Khu tái định cư Gò Công			150
129	Phan Ngọc Hiến	Cầu kênh Kiểm Lâm mới	Kênh Năm Nhung	400
130	nt	Kênh Năm Nhung	Đầu lộ về xã Nguyễn Việt Khái	350
131	nt	Đầu lộ về xã Nguyễn Việt Khái	Hết đất ông Phạm Văn Khương	250
132	Tuyến Rạch Cái Đôi Nhỏ (2 bên)	Cầu Cái Đôi Nhỏ	Đầu kênh Tam Cấp	110
133	nt	Kênh Năm Nhung	Kinh Cờ Trắng	110
134	Tuyến lộ Gò Công - Cái Đôi Vàm	Cầu Rạch Lạc Nhỏ	Cầu Cái Đôi Nhỏ	110
135	nt	Cầu Cái Đôi Nhỏ (Hướng Đông)	Đường vào công huyện đội	200

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Giá đất năm 2015
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
136	Tuyến lộ Gò Công - Cái Đôi Vàm	Đường vào cổng huyện đội	Cầu Kiểm Lâm		300
137	Xóm Gò Công cũ	Cầu Trắng	Hết lộ hiện hữu		110
138	Tuyến kênh Năm Nhung	Phan Ngọc Hiến	Rạch Cái Đôi Nhỏ		120
139	Khu hành chính huyện mới	Khu hành chính thuộc ấp Cái Đôi Nhỏ			120
140	Kênh Tập Đoàn	Đầu kênh Tập Đoàn	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Lùng		120
141	Kênh Tân Tiến	Đầu cầu Tân Tiến	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hén		110
142	Tuyến lộ xã	Đầu cầu UBND xã	Hết ranh đất ông Võ Văn Phuôi		120
143	Tuyến lộ về trung tâm xã Nguyễn Việt Khái	Phan Ngọc Hiến (Vào 30m)	Cầu Cái Đôi Nhỏ		200
144	nt	Cầu Cái Đôi Nhỏ	Cầu Kênh huyện ủy		150
145	nt	Cầu Kênh huyện ủy	Tuyến lộ về trung tâm xã (Củ)		200
Tuyến lộ trong khu tái định cư					
		Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ			100
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ			70

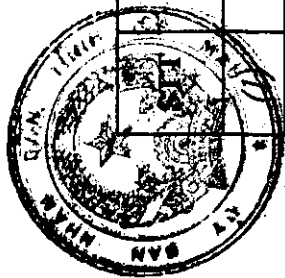


Huyện Đàm Dơi

HUYỆN ĐÀM DƠI

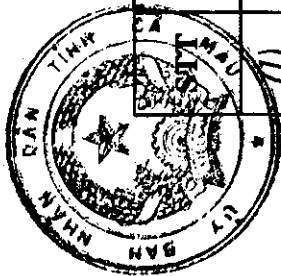
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Xã Tạ An Khương Đông				
01	Xã Tạ An Khương Đông	Trung tâm xã Tạ An Khương Đông		250
02	nt	UBND xã	Hết ranh Trường tiểu học	200
03	Đường ô tô về trung tâm xã	UBND xã	Hết ranh Trạm Viễn thông	250
04	nt	Hết ranh Trạm viễn thông	Ranh xã Tạ An Khương Nam	200
05	Xã Tạ An Khương Đông	UBND xã	Về các hướng còn lại: 200m	150
06	nt	Ngã tư Cây Mết	Về các hướng: 200m	150
07	nt	UBND xã	Về vòm Ký Thuật: 200m (Phía lộ GTNT)	150
08	nt	UBND xã	Về Kênh 5: 200m (Phía lộ GTNT)	150
2. Xã Tạ An Khương				
09	Xã Tạ An Khương	Ngã tư Cây Nổ	Về 4 hướng 200m	250
10	nt	Ngã tư Xóm Ruộng	Về 3 hướng: 200m	150
11	Xã Tạ An Khương	Ngã tư Cầu Ván	Về 3 hướng: 200m	150
3. Xã Tạ An Khương Nam				
12	Xã Tạ An Khương Nam	UBND xã	Về hướng kênh xáng Sáu Đông 400m	300
13	nt	UBND xã	Về hướng Tân Hồng: 200m (Theo tuyến lộ) phía bờ Đông	300

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
14	Xã Tạ An Khương Nam	UBND xã	Về hướng Tân Hồng: 200m (Theo tuyến lộ) phía bờ Tây	150
15	nt	UBND xã	Cầu Hai An	300
16	nt	Cầu Hai An	Về hướng ngã ba Cây Dương, giáp thị trấn (Theo tuyến lộ)	250
17	Đường ô tô về trung tâm xã	Cầu lộ 17 (Giáp ranh thị trấn)	Giáp ranh xã Tạ An Khương Đông	300
4. Xã Tân Trung				
18	Xã Tân Trung	Cổng Nhị Nguyệt	Về 2 hướng (Sông Nhị Nguyệt và Tân Trung): 200m	250
19	nt	Bến phà Hòa Trung	Về hướng UBND xã (2 bên lộ Đầm Dơi - Cà Mau): 200m	500
20	nt	Bến phà Hòa Trung + 200m	Cổng Tầm Sị (2 bên lộ Đầm Dơi - Cà Mau)	500
21	nt	Cổng Tầm Sị	Về hướng Ngã ba cống chào (2 bên lộ Đầm Dơi - Cà Mau): 1.000m	500
22	Xã Tân Trung	Ngã ba Cổng Chào	Đập Hội Đồng Ninh	350
23	nt	Ngã ba Cổng Chào	Về Đầm Dơi - Cống Nhị Nguyệt	500
24	nt	Ngã ba Cổng Chào	Sông Bảy Háp	450
25	nt	Đập Thủy Cai	Về hướng Đầm Dơi: 800m	400
26	nt	Đập Thủy Cai	Về hướng Lung Vệt: 2000m	400
27	nt	Bến phà Hòa Trung	Đầu nối Hòa Thành (2 bên lộ)	500
28	nt	Đập Hội Đồng Ninh	Đập Bà Ban	350



Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
	Từ	Đến	
(2)	(3)	(4)	(5)
29	Xã Tân Trung	Về hướng xã Tân Trung	350
30	nt	Cách công Nhị Nguyệt: 200m	350
5. Xã Tân Thuận			
31	Xã Tân Thuận	UBND xã Tân Thuận	250
32	nt	UBND xã Tân Thuận (Theo kênh xáng phía bên UBND xã)	250
33	nt	Khu QHDC 1/500 (Tên cũ: Cụm kinh tế kỹ thuật xã Tân Thuận (Gành Hào))	300
34	Xã Tân Thuận	Ngã ba Xóm Tắc (Đất ven sông, về hướng ngã ba Bông Két)	250
35	Xã Tân Thuận	Ngã ba Xóm Tắc (Đất ven sông, phía Tây)	250
36	nt	Ngã ba Cây Tàng (Đất ven sông)	250
37	nt	Ngã tư Trại Y tế	250
38	nt	Ngã ba Bồn Bón	150
39	nt	Ngã Tư ông Rum	150
6. Xã Tân Đức			
40	Xã Tân Đức	Ngã tư Hiệp Bình	400
41	nt	Ngã tư Tân Phước (Đầu Trâu)	150
42	nt	Ngã tư kênh Sáu Đổng	150
43	nt	Ngã tư Hiệp Bình + 200m	150

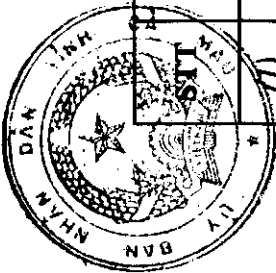
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015	
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
44	Đường ô tô về trung tâm xã	Ngã Tư Dầu Trầu	Cầu qua sông Hiệp Bình	200	
45	Ngã tư Soa Đũa	Về các hướng: 200m		150	
46	Ngã tư Ông Rùm	Về các hướng: 200m		150	
47	Ngã tư Cây Mết	Về các hướng: 200m		150	
48	Ngã tư Chổng Mỹ	Về các hướng: 200m		150	
7. Xã Tân Tiến					
49	Xã Tân Tiến	Cầu Ông Búp (Phía Nam)	Hết ranh bên tàu Tân Tiến (Đất ven sông)	650	
50	nt	Cách bến tàu Tân Tiến: 30m (Về phía sau, giới hạn lộ Cà Học - Tân Tiến)	Cầu Ông Búp (Phía sau nhà lồng, giới hạn lộ Tân Tiến - Cà Học)	800	
51	nt	Cổng Ông Búp (Phía UBND xã)	Về hướng Tắc Cây Bần: 200m	300	
52	nt	Bến tàu Tân Tiến	Về hướng Cây Tàng (Đất ven sông)	150	
53	nt	Đất các dãy tiếp giáp nhà lồng			1.100
54	nt	Móng cầu Ông Búp	Hết khu văn hóa Tân Tiến (Giáp ấp Thuận Thành)	850	
55	nt	Khu văn hoá Tân Tiến	Ngã ba Cây Tàng (2 bên lộ xe Tân Tiến - Cà Học)	200	
56	nt	Ngã ba Cây Tàng (Phía Đông)	Về 2 hướng : 500m (Nước Trong và Đón biên phòng)	150	
57	nt	Ngã ba trạm y tế 2 bên lộ xe (lộ bê tông) (Tên cũ: Cầu Ông Búp 2 bên lộ xe)	Ngã ba lộ xe về xã Tân Thuận	300	



Huyện Đầm Dơi

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
58	Xã Tân Tiến	Cầu Ông Búp	Về hướng Tắc Cây Bần: 200m (Phía UBND xã)	500
59	nt	Cầu Ông Búp + 200 m	Về hướng Tắc Cây Bần (Đối diện UBND xã)	300
60	nt	Ngã ba Dầu Trầu	Về các hướng: 200m	150
61	nt	Ngã ba đập Mặt Trời	Về các hướng: 200m	120
62	nt	Ngã ba kênh Nghĩa Hải	Về các hướng: 200m	120
63	nt	Cầu Ông Búp 2 bên lộ xe	Bến phà Tân Tiến - Tân Thuận	500
64	nt	Ngã 3 lộ xe về xã Tân Thuận	Cầu Chùm Lựu	400
65	nt	Cầu Chùm Lựu	Cầu Tân Đức 2	300
66	nt	Ngã 3 Cây Tàng (2 bên lộ xe Tân Tiến - Cà Học)	Cà Học	200
8. Xã Tân Dân				
67	Xã Tân Dân	Ngã ba kênh Sáu Thước	Về các hướng: 300m	320
68	nt	Ngã ba Lô 4	Về hướng Lô 1: 300m	300
69	nt	Ngã ba Lô 4	Về hướng Đông: 300m	300
70	nt	Ngã ba Lô 1	Về các hướng: 300m	320
71	nt	Cầu Cà Bát (Lộ Đầm Dơi - Tân Tiến)	Về hướng cầu Vũ Đức: 1500m	250
72	Đường ô tô về trung tâm xã	Cầu Cà Bát	Kênh Lò Gạch	250
73	Đường ô tô về trung tâm xã	Kênh Lò Gạch	Ngã ba Lô 4	350
74	Xã Tân Dân	Kênh Mới	Về các hướng: 500m	150

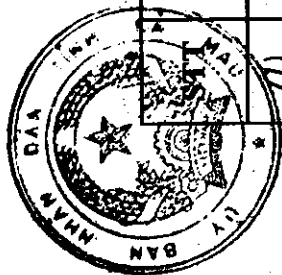
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
9. Xã Tân Duyệt				
75	Xã Tân Duyệt	Khu Quy hoạch chợ ấp 9 (Cầu ấp 9 về hướng Thanh Tùng)		700
76	nt	Cầu ấp 9	Hướng về Đầm Dơi 700m (Tên cũ: Về các hướng: 500m)	400
77	nt	Cổng ngã tư Xóm Ruộng (Lộ Đầm Dơi - Cà Mau)	Cổng Tám Dực (Giáp xã Tân Trung)	500
78	nt	Cách cổng ngã tư Xóm Ruộng: 30m	Cầu kênh Dân Quân	200
79	nt	Ngã ba Cổng Đá	Về các hướng: 200m	350
80	nt	Ngã tư Ông Bình	Về hai hướng: 500 m	400
81	nt	Ngã ba Rạch Sao	Hướng về cầu Lung Dừa (Tên cũ: Về các hướng: 200m)	300
82	nt	Ngã ba Rạch Sao + 201m (2 bên lộ)	Về các hướng	250
83	nt	Cổng ấp 10	Về hai bên cổng: 300m	300
84	nt	Đoạn Ngã Tư Ông Bình	Cầu Bảo Vuông	400
85	nt	Ngã Tư Ông Bình	Cổng đá	300
86	nt	Đoạn Cầu Lung Ứng	Cầu Bảo Vuông	350
87	nt	Đoạn Cầu Thầy Chương	Cầu Lung Ứng	350
88	nt	Đoạn Cầu Thầy Chương	Cầu Bảo Bèo	300
89	nt	Lộ Đầm Dơi Thanh Tùng	Các Đoạn còn lại	200
90	nt	Cầu Rạch Sao II	Cầu Kinh Hàng Dừa	400
91	nt	Cầu Kinh Hàng Dừa	Cổng Lung Gạo	300



Huyện Đầm Dơi

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
92	Xã Tân Duyệt	Cổng đá	Giáp ranh xã Quách Phẩm Bắc (lộ 709)	250
(10) Xã Trần Phán				
93	Xã Trần Phán	Cổng Chà Là	Hết ranh bên tàu liên huyện (Trên lộ và dưới sông)	1.300
94	nt	Bến tàu liên huyện	Kênh Chín Y	960
95	nt	Kênh Chín Y	Cống Bờ Đập (Sông Bảy Háp)	250
96	nt	Cổng Chà Là	Cầu Chà Là I (Hương Bắc)	1.400
97	nt	Cổng Chà Là	Cầu Chà Là I (Hương Nam)	1.200
98	nt	Cầu Chà Là I + 200m	Về hướng sông Chà Là: 200m (2 bên)	600
99	nt	Cổng Chà Là	Cầu Kéo cũ (Trạm y tế cũ)	1.000
100	nt	Trạm y tế	Bến phà Chà Là (2 bên lộ dọc theo sông Bảy Háp)	450
101	nt	Cầu Chà Là (2 bên lộ Chà Là - Cái Keo)	Lộ Chà Là - Cái Nước	800
102	nt	Cầu Chà Là I	Kênh Chín Y (2 bên lộ Chà Là - Tân Trung)	650
103	nt	Kênh Chín Y	Cách cống Bờ Đập: 200m (2 bên lộ Chà Là - Tân Trung)	250
104	nt	Cống Bờ Đập	Về các hướng còn lại: 200m	250
105	nt	Đê ngăn mặn ấp Nhị Nguyệt	Về 2 hướng: 200m (Trần Phán và sông Nhị Nguyệt)	250
106	nt	Cầu Sáu Hoàng	Cầu Út Hà	200

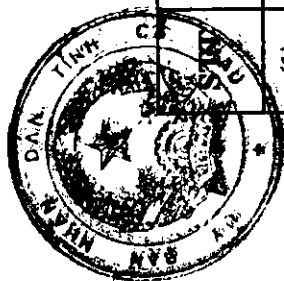
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Giá đất năm 2015
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
107	Xã Trần Phán	Cầu Sầu Hoàng	Cầu Chà Là II (Lộ Đầm Dơi - Cái Nước)		500
108	nt	Cầu Chà Là II	Cầu Bá Hué (Lộ Đầm Dơi - Cái Nước)		200
109	nt	Cầu Bá Hué	Cầu Kênh Nai (Lộ Đầm Dơi - Cái Nước)		200
110	nt	Cầu kênh Nai	Cổng Lung Gạo giáp ranh xã Tân Duyệt		200
111	nt	Cầu Sầu Hoàng	Hết ranh bên phả Chà Là		500
112	Lộ bê tông số 3	Ngã tư lộ Chà Là	Đường bê tông số 3 (Đường vào Trường trung học cơ sở xã Trần Phán cũ)		500
1.1 Xã Nguyễn Huệ					
113	Xã Nguyễn Huệ	Bến tàu Vàm Đám	Ngã ba Vàm Đám (Phía mé sông)		1.400
114	nt	Bến tàu Vàm Đám	Ngã ba Vàm Đám (Phía trên lộ)		1.000
115	nt	Bến tàu Vàm Đám	Rạch Ông Mao (Phía lộ giáp mé sông lên giáp phía sau dãy nhà nằm trên đường 3-2)		450
116	nt	Cách lộ cấp VI đồng bằng 20m	Cầu Ông Mao (2 bên)		600
117	nt	Rạch Ông Mao	Hết ranh Trường cấp II		250
118	nt	Ngã ba Vàm Đám	Hết ranh Trạm y tế (Phía mé sông)		400
119	nt	Ngã ba Vàm Đám	Hết ranh Trạm y tế (Phía lộ)		650
120	nt	Ngã ba kênh Ba Hổng	Về các hướng: 200m		250



Huyện Đầm Dơi

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
121	Xã Nguyễn Huân	Ngã ba Bảy Cẩn	Về các hướng: 200m	200
122	nt	Cụm dân cư làng cá Hố Gù		200
123	Tuyến lộ cấp VI đồng bằng	Giáp Tân Tiến	Hết ranh Trường Tiểu Học Vàm Đám (Từ Ngã ba Kênh Ba Hồng)	150
124	Xã Nguyễn Huân	Từ nhà ông Châu Văn Loan	Trường tiểu học Vàm Đám (tính 2 bên)	450
125	Xã Nguyễn Huân	Từ nhà ông Dương Văn Chiêu	Đến giáp khu đất người dân tộc (tính 2 bên)	500
126	Đường 3-2	Từ nhà ông Trần Văn Lượng (giáp đường số 2)	Qua khỏi lộ cấp VI đồng bằng 20m (tính 2 bên)	1.000
12. Xã Ngọc Chánh				
127	Lộ xe Đầm Dơi - Thanh Tùng	Ngã ba Thầy Cẩn	Về hướng nhà thờ: 500m (2 bên lộ xe Đầm Dơi - Thanh Tùng)	650
128	nt	Ngã ba Thầy Cẩn	Về hướng Đập Ba Dây: 200m	650
129	nt	Đập Ba Dây: 200m	Cầu Trường Đạo (Giáp ranh xã Thanh Tùng)	250
130	Xã Ngọc Chánh	Ngã ba Thầy Cẩn	Về hướng Vàm Đám: 200m	350
131	nt	Ngã ba Cống Đá Nông Trường	Về hướng Bàu Sen: 500m (2 bên lộ), (Trước 200m)	350
132	nt	Ngã ba Cống Đá Nông Trường	Về hướng Đồng Gò: 500m	350
133	nt	Bào Sen, Nam Chánh	Về hướng nhà thờ 1500m	300
13. Xã Quách Phẩm Bắc				
134	Xã Quách Phẩm Bắc	UBND xã Quách Phẩm Bắc	Về hướng Trường cấp II	600

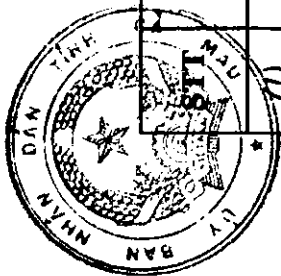
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
135	Xã Quách Phẩm Bắc	UBND xã	Về hướng Trường cấp II	500
136	nt	Trường cấp II	Hết ranh Trường cấp I (2 bên)	200
137	nt	UBND xã	Hết ranh Trường mẫu giáo: 500m (Về hướng sông Cây Kê)	200
138	nt	UBND xã	Về hướng Nhà Cũ - Lầu Quốc Gia: 500m	600
139	nt	Lầu Quốc Gia	Về hướng Kênh Cùng: 300m	300
140	nt	Lầu Quốc Gia	Về hướng Bà Hinh: 300m	400
141	nt	Lầu Quốc Gia	Về hướng Kênh Giữa: 300m	200
142	nt	Lầu Quốc Gia + 300m	Cách UBND xã: 500m	250
143	nt	Cầu Bà Hinh	Về sông Bà Hinh: 500m	350
144	nt	Cầu Bà Hinh	Về hướng Lầu Quốc Gia: 500m	400
145	nt	Cầu Bà Hinh	Giáp ranh xã Quách Phẩm	400
146	nt	Giáp Trần Phán (Kênh Út Hà)	Cách Lầu Quốc Gia: 300m	300
14. Xã Thanh Tùng				
147	Xã Thanh Tùng	UBND xã Thanh Tùng cũ	Cầu Bảo Mù (Chợ Thanh Tùng) + 60m (Hết ranh cây xăng Hoàng Búp)	800
148	nt	Cầu Bảo Mù	Về hướng Kênh Ba (2 bên)	500
149	nt	Cây xăng Hoàng Búp	Cầu Bảo Dừa	500
150	nt	Cầu Bảo Dừa	UBND xã Thanh Tùng mới (Hướng Tây)	500



Huyện Đầm Dơi

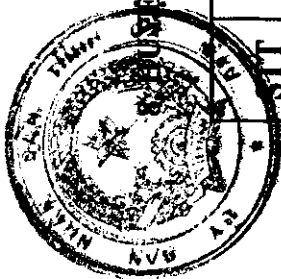
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
151	Xa Thanh Tùng	Cầu Bào Dừa	Về hướng Xóm Dừa (2 bên): 200m	500
152	nt	Đầu kênh Trưởng Đạo	Về hướng Vàm Đầm: 200m	250
153	nt	Đầu kênh Ông Đơn	Về hướng Trưởng Đạo: 200m	200
154	nt	Đầu Kênh 3	Về hướng Đập Xóm Miên: 200m	250
155	nt	Đập Thanh Tùng	Đập Trưởng Đạo (Tuyến lộ nhựa)	250
156	nt	Cầu Thanh Tùng	Hướng Trụ sở văn hoá: 200m (2 bên)	200
157	nt	Cầu Trưởng Đạo	Trường tiểu học Thanh Tùng (Điểm Trưởng Đạo)	200
158	nt	UBND xã cũ	Ngã 3 chợ Thanh Tùng (nhà ông Nguyễn Văn Định)	500
159	nt	Salatel	Đập Xóm Miên (2 bên)	200
160	nt	Đập Xóm Miên	Về hướng đầu kênh 3: 200m	200
15. Xa Quách Văn Phẩm				
161	Xa Quách Văn Phẩm	Cầu Cái Keo 1	Hết ranh Trường Mẫu giáo (Trung tâm chợ)	1.500
162	nt	Trường Mẫu giáo	Về hướng ngã ba Cây Dương: 100m	1.000
163	nt	Trường mẫu giáo + 100m	Ngã ba Cây Dương (Giáp Năm Căn)	750
164	nt	Ngã ba Cây Dương	Về hướng sông Cái Nháp: 200m	400
165	nt	Cầu Cái Keo 1	Hết ranh Trường Cấp II	550
166	nt	Trường cấp II	Hết ranh Trường THPT liên huyện	450
167	nt	Hết ranh Trường THPT liên huyện	Cách cống Bà Hính: 400m	300

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
168	Xã Quách Văn Phẩm	Bến tàu Bà Hinh	Về hướng chợ Bà Hinh: 200m	750
169	nt	Bến tàu Bà Hinh	Về phía sông Bà Hinh: 200m	350
170	nt	Cầu Cái Keo 1	Về hướng Cầu Cái Keo 2 (2 bên): 200m	450
171	nt	Cầu Cái Keo 2 + 200m	Về hướng sông Cái Keo (2 bên): 300m	300
172	nt	Cổng Bảo Hầm	Về các hướng: 200m	300
173	nt	Ngã ba Khạo Đỏ	Về các hướng: 200m	200
174	nt	Cầu Cái Keo 2 + 300m	Cách cổng Bảo Hầm: 200m	300
175	nt	Ngã tư chợ Bà Hinh + 201 m	Cầu út Thoạt	200
176	nt	Cầu Cái Keo II	Bến phà Cây Dương	500
177	nt	Trung tâm hành chính xã	Bến phà Cây Dương	800
178	nt	Giáp lộ nội ô chợ Cái keo	Giáp ranh Chùa Hưng Thới Tự	600
179	Đường số 2, 3, ấp Cái Keo	Giáp đường số 10	Giáp đường số 8	500
180	Đường số 5, ấp Cái Keo	Giáp đường số 11	Giáp ngã 3 Cây Dương về hướng sông Cái Nhấp 200m	500
181	Đường số 6, ấp Cái Keo	Giáp đường số 14	Giáp ngã 3 Cây Dương về hướng sông Cái Nhấp 200m	450
182	Đường số 9, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp lộ trung tâm hành chính xã - Bến phà Cây Dương	600
183	Đường số 10, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp lộ trung tâm hành chính xã - Bến phà Cây Dương	600



Huyện Đầm Dơi

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
	(2)	(3)	(4)	(5)
184	Đường số 11, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp lộ trung tâm hành chính xã - Bến phà Cây Dương	500
185	Đường số 12, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Giáp đường số 5	450
186	Đường số 14, ấp Cái Keo	Lộ nội ô chợ Cái Keo	Bến phà Cây Dương	350
187	Đường số 3, ấp bà Hính	Giáp nhà ông Lý Văn Mến	Giáp đường số 5	300
188	Đường số 4, ấp bà Hính	Giáp đường số 2	Giáp đường số 3	300
189	Đường số 3, ấp bà Hính	Giáp đường số 2	Ngã tư chợ Bà Hính + 201 m về cầu út Thoát	300
190	Đường số 5, ấp bà Hính	Giáp lộ ô tô về trung tâm xã	Giáp đường số 2	300
191	Tuyến trung tâm xã	Cầu Cái Keo II	Giáp lộ trung tâm xã	400
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		100
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		70

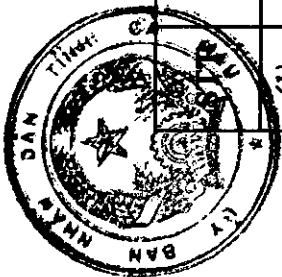


Huyện Năm Căn

QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Xã Tam Giang Đông				
1	Áp Vinh Hoa	Ranh đất ông Khánh	Hết ranh đất ông Ứt Huỳnh	190
2	nt	Ranh đất ông Vịnh	Cầu nhà bà Chín Thành	120
3	Áp Kinh Ba	Khu dân cư ấp Kinh Ba	Hết ranh đất ông Phên (Kênh Ba)	180
4	nt	Ranh đất ông Hồng	Vàm Cái Nước	110
5	nt	Hết ranh đất ông Chín Mai	Rạch Xẻo Bá	110
6	Áp Hố Gù	Cụm quy hoạch - tái định cư dân cư Hố Gù 1,2 và tái định cư khu 1 ấp Hố Gù		180
7	Áp Bò Hù	Cụm quy hoạch dân cư Vàm Cái Nước	Khu dự án CWPĐ	160
8	nt	Khu tái định cư Bò Hù Lớn	Bò Hù	170
9	Áp Vinh Hoa	Ranh đất bà Ba Đảnh	Hết ranh đất ông Sol	120
10	nt	Ranh đất ông Thắng	Hết ranh đất ông Chấn (Tiểu khu 132)	120
11	Áp Hố Gù	Kênh xáng khu tái định cư (Ranh đất ông Ba Minh)	Hết ranh đất ông Bảy Lợi	110
12	Áp Kinh Ba	Rạch Xẻo Bá	Hết ranh đất bà Liễu	140
13	Áp Mai Vinh	Ranh đất ông Lê A	Hết ranh đất ông Ba Giảng	140
2. Xã Tam Giang				
14	Xã Tam Giang	Ranh đất ông Lam Phương	Hết ranh đất ông Dòn	500

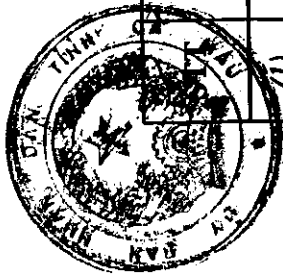
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
15	Xã Tam Giang	Ngã tư chợ	Hết ranh đất ông Khôi	400
16	nt	Ranh đất ông Tư Giang	Hết ranh Đồn Biên Phòng 672	300
17	nt	Hết ranh Đồn Biên phòng 672	Trạm y tế xã	200
18	nt	Hết ranh Trạm y tế xã	Kênh 1	200
19	nt	Ranh đất ông Sét	Hết ranh đất ông Bảy Hui	200
20	nt	Ranh đất ông Khẩn	Hết ranh đất ông Thành	250
21	nt	Hết ranh Trường tiểu học 1	Kênh Bò Bầu (Lộ sau UBND xã)	120
22	nt	Ranh đất bà Đào	Hết ranh đất ông Sơn	250
23	nt	Ranh đất ông Lân	Hết ranh đất Trại giống Út Quang	120
24	nt	Trường tiểu học 184 (Ranh đất ông Vũ)	Hết ranh Phan Trường 184	250
25	nt	Hết ranh Phan trường 184	Rạch Cái Nhám Nhỏ	350
26	nt	Rạch Cái Nhám Nhỏ	Kênh Cây Mắm	120
27	nt	Giáp ranh Trường cấp 2	Hết ranh đất ông Hai Nhi	200
28	nt	Bến phà Kinh 17	Bến phà Tam Giang III	110
29	nt	Kênh Ông Đom	Hết ranh đất ông Hai Nhi	110
30	nt	Cầu Bò Bầu	Bến phà Tam Giang III	110
3. Xã Hiệp Tùng				
31	Xã Hiệp Tùng	Trụ sở UBND xã Hiệp Tùng	Hết ranh hàng dầy ông Bảy Hoài (Số 1)	180
32	nt	Vàm Cái Ngay	Kênh Cá Chốt	120



Huyện Năm Căn

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
33	Xa Hiệp Tùng	Vàm kênh Năm Sáu	Hết ranh trụ sở UBND xã	250
34	nt	Vàm kênh Năm Sáu	Trường trung học cơ sở xã Hiệp Tùng	200
35	nt	Giáp ranh Trường Tiểu học 1	Ngã tư kênh Năm	120
36	nt	Hết ranh Trung tâm văn hoá xã	Hết ranh Trường THCS xã Hiệp Tùng	120
37	nt	Hết ranh Trường THCS xã Hiệp Tùng	Cầu kênh Năm Cạn	120
38	Kênh Năm Cạn	Cầu Kênh Năm Cạn	Cầu Nàng Kèo	110
39	Xóm Lung	Cầu Xóm Lung	Ranh đất ông Hận	110
Xã Hàm Rồng				
40	Quốc lộ 1A	Bến phà Đầm Cù	Ngã ba cầu Đầm Cù	300
41	nt	Mố cầu Đầm Cù	Mố cầu Lòng Tong	450
42	Quốc lộ 1A	Mố cầu Lòng Tong	Mố cầu Ông Tinh	700
43	Lộ Cây Dương	Quốc lộ 1A	Hết ranh bến phà Đầm Cù cũ	200
44	Các tuyến khác	Quốc lộ 1A	Mố cầu 19/5	150
45	nt	Bà Lai Thị Tài	Bến phà Đầm Cù cũ	110
46	nt	Hết ranh bến phà Đầm Cù cũ	Hết ranh bến phà Đầm Cù mới	250
47	nt	Quốc lộ 1A	Hết ranh UBND xã	250
48	nt	Ranh UBND xã	Mố cầu Cái Trắng Lá (Tuyến Cây Dương)	200

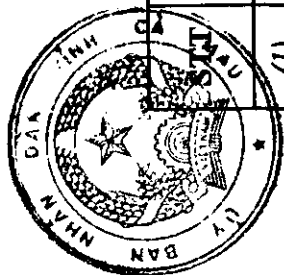
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	(5)	
(1)	(2)	(3)	(4)		
49	Các tuyến khác	Mố cầu Cái Trảng Lá	Bến phà Cây Dương		150
50	nt	Trụ sở Quận sự xã	Trại giống Hoà Lợi		110
51	Sông Bảy Háp	Cầu Cái Trảng Lá	Bến phà Cây Dương		120
52	nt	Cầu Truyền Huấn	Hết ranh đất ông Phạm Văn Liệu (Hương Tây)		110
53	nt	Cầu Truyền Huấn	Hết ranh đất ông Lê Văn Ngỏi (Hương Đông)		110
54	nt	Ranh đất ông Lương Văn Có	Hết ranh đất bà Phạm Thị Cấn		110
55	Xã Hàm Rồng	Ranh đất ông Danh Hồng Hậu	Hết ranh đất ông Trần Thanh Bình (Hương Bắc)		110
56	nt	Cầu Cái Trảng	Đầu kênh Năm, cầu Sập (2 bên)		120
57	nt	Cầu 19/5	Hết ranh đất ông Tô Công Luận		120
58	nt	Cầu 19/5	Vàm kênh 3 Trà		120
59	nt	Mố cầu kênh Năm	Hết ranh đất ông Trương Văn Hộ (Hương Nam)		110
60	nt	Ranh đất ông Tiết Văn Góp	Hết ranh đất ông Dương Văn Sanh		120
61	nt	Vàm kênh Ngang	Vàm kênh Tư (Hương Nam)		120
	nt	Cầu 19/5	Hết ranh đất bà Lâm Hồng Lân		120
62	nt	Ranh đất bà Lâm Hồng Huệ	Vàm Tắc Ông Nghệ (2 bên)		120
63	nt	Ranh đất ông Tô Văn Út	Hết ranh đất ông Đặng Văn Hơn (Hương Bắc)		110



Huyện Năm Căn

	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
64	Xã Hàm Rồng	Ranh đất ông Nguyễn Văn Que	Hết ranh đất ông Phạm Phi Long (2 bên)	110
65	nt	Quốc lộ 1A	Hết ranh đất bà Lê Thị Phiêm (Hương Nam)	120
66	Kênh Ông Tình	Ranh đất ông Lai Hoàng Văn	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Bảy (Hương Nam)	120
67	nt	Ranh đất ông Trần Hữu Hiệp	Hết ranh đất ông Trần Văn Tuấn	200
68	Kênh Cạn	Ranh đất ông Đặng Ngọc Dành	Hết ranh đất ông Trương Văn Hùng	120
69	Kênh Tắc	Ranh đất ông Đặng Ngọc Dành	Hết ranh Trại sở văn hoá áp Cái Nai	120
70	Sông Bảy Háp	Vàm kênh Tắc	Vàm Xẻo Chồn	110
71	nt	Ranh đất ông Phạm Phi Long	Cầu Kênh Mới (2 bên)	110
72	nt	Cầu kênh Mới	Hết ranh đất ông Thái Ngọc Tự (2 bên)	110
73	Kênh Tắc	Ranh đất Phạm Việt Dũng	Vàm Kênh Tắc	120
74	Kinh Năm Cùng	Ranh đất ông Nguyễn Văn Tự	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hùng	120
75	Áp Truyền Huân	Từ đất ông Huỳnh Tự Dụng	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Chiến	120
5. Xã Hàng Vĩnh				
76	Áp Xóm Lớn Trong	Cầu Ông Do	Cầu Xi Tọc	400
77	nt	Cầu Kênh Lò	Cầu Xi Tọc (Phía Nam lộ)	500
78	nt	Cầu Xi Tọc	Rạch Ông Do (2 bên)	120
79	nt	Ranh đất ông Nguyễn Tấn Hòa	Hết ranh đất ông Ngô Văn Hồ (2 bên)	110

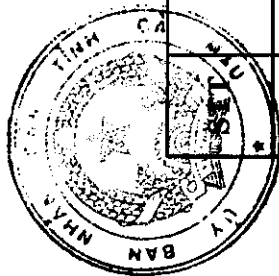
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
80	Áp Xóm Lớn trong	Ranh đất ông Ngô Văn Mía	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Hóa	110
81	nt	Ranh đất ông Lê Thanh Phú	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lập	110
82	nt	Ranh đất ông Lê Văn Mừng	Hết ranh đất ông Phạm Văn Buôi	110
83	nt	Ranh đất ông Dương Văn Cáo	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Lê	110
84	Áp Xóm Lớn Ngoài	Vườn Cà Trảng	Hết ranh đất ông Trần Văn Hương	120
85	nt	Cầu Xi Tẹt	Hết ranh trại giống ông Lê Đức Chính (Độc theo tuyến sông)	120
86	nt	Ranh đất ông Cao Trung Tỉnh	Ngã tư Cà Trảng	110
87	Áp 2	Đập ông Hai Sang	Cầu Kênh Lò	700
88	nt	Ranh đất ông Trần Sang	Hết ranh đất ông Chu Hoàng Phước (Độc theo tuyến sông)	200
89	nt	Hết ranh đất ông Lê Văn Chon	Hết ranh đất bà Lý Thị Loan (Đầy nhà ngang)	150
90	nt	Đập ông Hai Sang	Cầu Trung Đoàn	800
91	Áp 1	Cầu Trung Đoàn	Cầu Chệt Còm	1.000
92	nt	Cầu Trung Đoàn	Cầu Chệt Còm (Độc theo tuyến sông)	300
93	nt	Cầu Chệt Còm	Cầu Lương Thực	1.200
94	Áp 2	Cầu Chệt Còm	Hẻm nhà bà Bảy Phái (Độc theo tuyến sông)	400
95	nt	Hẻm nhà bà Bảy Phái (Độc theo tuyến sông)	Hẻm Cổng chợ (Độc theo tuyến sông)	500
96	nt	Cầu Tàu	Trước UBND xã cũ	1.100



Huyện Năm Căn

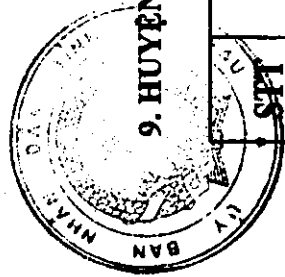
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
97	nt	Hẻm Cống chợ	Hết ranh đất ông Phạm Văn Dũng (Dọc theo tuyến sông)	400
98	nt	Nhà ông Lương Minh Danh (Hẻm Cống Chợ)	Lộ liên huyện	500
99	nt	Lộ liên huyện	Cầu ông Tư Lạc	500
100	nt	Lộ liên huyện	Hết ranh đất ông Bùi Minh Đức	500
101	nt	Lộ nhánh nhà ông Hoài Nhơn	Lộ liên huyện	500
102	nt	Cầu Lương Thực	Cầu Công An	1.000
103	Áp 2	Vàm kênh Lương Thực	Lộ liên huyện	300
104	nt	Cầu Công An	Kênh xáng Cái Ngay	500
105	nt	Cầu Công An	Nhà ông Nguyễn Huy Đình	300
106	nt	Cầu Chệt Còm	Hết ranh đất ông Mai Xuân Dế	200
107	Áp 1	Lộ liên huyện	Hẻm Sơn Sương (Hết ranh đất ông Huỳnh Thanh Hải)	400
108	nt	Lộ liên huyện	Hết ranh đất ông Lê Công Lượng	400
109	Áp 3	Ranh đất ông Nguyễn Văn Tâm	Hết ranh đất ông Huỳnh Văn Sơn	120
110	nt	Hết ranh đất ông Nguyễn Tấn Tài	Giáp ranh ấp 4	150
111	nt	Ranh đất ông Đỗ Văn Thật	Hết ranh đất ông Tuyết Thanh Thum	110
112	Áp 3	Ranh đất ông Hòa Hồng Phương	Hết ranh đất ông Nguyễn Thanh Liên	110
113	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Hiệp	Hết ranh đất ông Đỗ Xuân Cường	110

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường			Giá đất năm 2015
		Từ	Đến		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	
114	Ấp 3	Lộ liên huyện	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Tình		110
115	nt	Ranh đất ông Mã Thanh Huỳnh	Hết ranh đất ông Đặng Quang Sang		110
116	Ấp 4	Ranh đất ông Nguyễn Văn Dũng (Tên cũ: Trại giống ông Thái Văn Hào)	Hết ranh đất ông Lê Thiện Trí		110
117	nt	Giáp ranh ấp 3	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Hồng		110
118	nt	Ranh đất ông Trương Văn Kỳ	Giáp ấp Kênh Mới (Xã Hàm Rồng)		110
120	nt	Ranh đất ông Hùng	Hết ranh đất ông An		110
121	nt	Ranh đất ông Dũng	Hết ranh đất ông Bình		110
122	Ấp 2	Ranh đất ông Trần Văn Quận	Ranh đất bà Nguyễn Thị Thanh (đọc kênh Trung Đoàn)		200
6. Xã Hải Mỹ					
123	Ấp Ông Do	Vàm Ông Do	Hết ranh đất ông Nhân		250
124	nt	Ranh đất ông Trúc	Hết ranh đất ông Hai Sang		200
125	nt	Ranh đất ông Thăng Đen	Sông Bảy Háp		110
126	nt	Vàm Ông Do	Kênh Bảy Thạnh		150
127	Ấp Ông Chùng	Dốc Cầu Dây Giăng	Cổng Ông Tà		300
128	nt	Trường mẫu giáo	Trường tiểu học 2		250
129	nt	Trường tiểu học 2	Ngã tư Xẻo Ôt		200
130	Ấp Xóm Mới	Vàm kênh Nước Lên	Kênh Tùng Dền		150
131	Ấp Phòng Hộ	Vàm kênh Tùng Dền	Hết ranh đất ông Chiến Sỏ		150



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
132	Áp Trại Lưới A	Trường Tiểu học 4	Hết ranh đất ông Hùng xăng dầu	250
133	nt	Trường Tiểu học 4	Ngon Kênh Đào	170
134	nt	Vàm Kênh Đào	Ngã ba Kênh Năm	150
135	nt	Vàm Trại Lưới	Hết ranh trại giống ông Hùng Cường	150
136	Áp Cây Thơ	Ngã tư Cây Thơ	Hết ranh đất ông Nguyễn Trường Sơn	150
137	nt	Ngã tư Cây Thơ	Ngã tư Bùi Mặc	120
138	Áp Ông Chùng	Trường Trung học cơ sở	Ngã ba Ông Chùng	150
139	nt	Ngã ba Ông Chùng	Vàm Ông Do (Bây Háp)	110
140	nt	Dốc Cầu Dây Giảng	Vàm Xẻo Ốt	300
141	nt	Dốc Cầu Dây Giảng	Kênh Xá quốc phòng (giáp thị trấn)	300
7. Xã Lâm Hải				
142	Áp Xẻo Sao	Vàm Trại Lưới	Vàm Xẻo Sao	180
143	nt	Vàm Xẻo Sao	Vàm Lỗ	280
144	Áp Trại Lưới B	Rạch Vàm Lỗ	Rạch Nà Nước	300
145	Áp Biện Trượng	Ngã ba Đầu Chà	Đổi diện Vàm Nà Chim	110
146	nt	Vàm Ông Nguon	Vàm Ba Nguyễn	140
147	Áp Trại Lưới B	Vàm Lỗ	Hết ranh đất ông Nam	120
148	nt	Vàm Nà Nước	Kênh Trồn Sóng	200
149	Áp Xẻo Lớn + Áp Ông Nguon	Vàm Ông Nguon	Hết ranh đất ông Hai Xệ (2 bên)	110

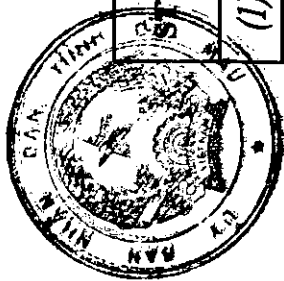
STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
150	Ấp Ông Nguon	Ranh đất ông Mân	Vàm Chùng	140
151	Ấp Chà Là	Ranh đất ông Chĩa	Hết ranh đất ông Hạ	120
152	Ấp Chà Là	Ranh đất ông Hạ	Hết ranh đất ông Hùng	110
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		100
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		70



9. HUYỆN NGỌC HIẾN

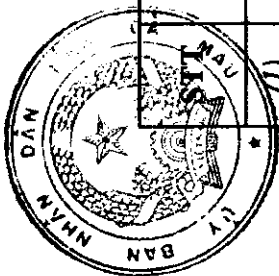
	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Xã Tam Giang Tây				
1	Xã Tam Giang Tây	Cầu Tàu	Hết ranh Trạm y tế xã	300
2	nt	Cầu Tàu	Giáp ranh đất khu liên doanh	300
3	nt	Ranh đất khu liên doanh 02 bên		160
4	nt	Ngã tư Chợ	Hết ranh Trường tiểu học 1 (Chợ Thù A)	300
5	nt	Hết ranh trường tiểu học 1	Cầu Bào Công (Chợ Thù A)	150
6	nt	Ranh đất Bưu điện	Hết ranh đất ông Bảy Tùng (Chợ Thù A)	300
7	nt	Ranh đất ông Bằng	Hết ranh đất ông Yên (Chợ Thù A)	300
8	nt	Ranh đất Bà Loan	Hết ranh Trạm y tế xã (Chợ Thù A)	250
9	nt	Ranh đất Bà Xuân	Cầu Thù (Chợ Thù A)	200
10	nt	Cầu Bào Công	Rạch Bào VI	110
11	nt	Ranh đất Trại Biên phòng	Cầu Xẻo Ngang	200
12	nt	Cầu Thù	Rạch Xẻo Đung (Chợ Thù B)	200
13	nt	Cầu Xẻo Ngang	Cầu Thù (Chợ Thù B)	120
14	nt	Hết ranh Trường tiểu học 2	Cầu Ông Tôn (Chợ Thù B)	110
15	nt	Cầu Ông Tôn	Vàm kênh Chín Biện	110
16	nt	Ranh đất Trường tiểu học 2	Hết ranh đất ông Dung	120

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
17	Xã Tam Giang Tây	Vàm Cà Nậy Nhỏ	Cầu XI Nghiếp	110
18	nt	Cầu XI Nghiếp	Hết ranh đất trại giống Quang Hà	110
19	nt	Hết ranh Trại Y Tế (Chợ Thủ A)	Kênh Vô Hào Thuật	110
20	nt	Ranh đất Bà Thiện	Hết ranh đất Trường Mẫu Giáo	200
21	nt	Ngang Nhà Lồng Chợ	Hết ranh đất Bà Nga	300
22	nt	Cầu bà Khệt	Hết ranh đất ông Nguyễn Văn Chiến	120
23	nt	Lộ cấp VI đồng bằng	Cầu Bão VT (Đất ông Thanh)	110
24	nt	Lộ cấp VI đồng bằng	Hết lộ GTNT hiện hữu (Đất ông Dũng)	110
2. Xã Tân Ân Tây				
25	Xã Tân Ân Tây	Cầu ông Định	Hết ranh Khu nghĩa địa (Trung tâm xã)	300
26	nt	Khu vực Dơi Dả	Dọc sông Đường Kéo đến rạch Chà Là 100m và rạch Giáp Nước 400m	200
27	nt	Hết ranh Khu nghĩa địa (Trung tâm xã)	Cầu kênh Nước Lộn	300
28	nt	Vàm Ông Như	Vàm Ông Quyền (Dọc theo sông Cửa Lớn)	300
29	nt	Bến phà sông Cửa Lớn	Cầu ông Định	110
30	nt	Cầu Rạch Chà Là	Hết ranh quy hoạch KDC Dơi Giá	300
31	nt	Ranh quy hoạch KDC Dơi Giá	Cầu kênh Vô Hào Thuật	110
3. Xã Tân Ân				



STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
32	Xã Tân Ân	Rạch Ô Rô	Cầu Nhà Phiếu	300
33	nt	Cầu Nhà Phiếu	Cầu Nhà Diệu	300
34	nt	Cầu Nhà Diệu	Cầu Dinh Hạng	250
35	nt	Cầu Dinh Hạng	Cửa Hóc Nàng (Hết ranh đất dự án CWPĐ)	150
4. Xã Viên An Đông				
36	Xã Viên An Đông	Ranh đất ông Phan Văn Thiết	Hết ranh đất ông Phan Văn Sấy	410
37	nt	Cầu Lão Nhựt (Ranh đất ông Nguyễn Bé Em)	Hết ranh Trường trung học cơ sở	260
38	nt	Ranh đất ông Trần Quốc Khời	Hết ranh đất ông Đoàn Tuấn	170
39	nt	Ranh đất ông Lê Văn Trọng	Hết ranh đất ông Mạnh	260
40	nt	Cầu Lão Nhựt	Hết ranh Trường Mẫu Giáo (Trường THCS cũ)	250
41	nt	Ranh đất ông Ngô Văn Sơn	Vàm Đốc Neo	120
42	nt	Ranh đất cơ sở sản xuất nước đá Hiện Phúc	Vàm Nhung Miên	200
43	nt	Vàm Biện Nhạn	Vàm Ông Miếu	200
44	nt	Vàm Xẻo Lá (Từ trụ điện vượt sông)	Hết ranh Trạm viễn thông	150
45	nt	Cụm dân cư ngã ba Cạnh Đền từ ngã ba ra mỗi hướng + 300m		150
46	nt	Cụm ngã ba So Đũa		150
47	nt	Khu Trung tâm chợ xã Viên An Đông		500

STT	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
5. Xã Viên An				
48	Xã Viên An	Vàm Ông Trang	Hết ranh đất Ông Tâm Chương (Khu phố A)	300
49	nt	Bón khu phố A; B; C; D		350
50	nt	Ranh Nhà lóng chợ	Hết ranh Nhà Đền cũ	200
51	nt	Ranh đất Hăng nước đá Thủy Trang	Hết ranh Khu xăng dầu	200
52	nt	Khu kết	Hết ranh Nhà lóng chợ	220
53	nt	Hết ranh Nhà Đền cũ	Vàm Ông Đồi	200
54	nt	Ranh đất Ông Tư Đen	Hết ranh Trạm y tế xã	250
55	nt	Hết ranh Trạm y tế xã	Hết ranh đất Ông Ba Dũng	170
56	nt	Ranh đất đền thờ Bác Hồ	Rạch Xẻo Bè	150
57	nt	Chợ Tắc Gốc	Ngã ba ra tuyến sông	130
58	nt	Chợ Sò Đũa	Ngã ba ra tuyến sông	130
59	nt	Vàm Ông Linh (Sắc Cò)	Ngã ba ra tuyến sông	130
60	nt	Khu cán bộ		150
61	nt	Khu giáo viên		300
62	nt	Vàm Ông Thuộc	Vàm Ông Đồi	120
63	nt	Ranh đất ruộng tôm Quốc Phòng	Kênh xăng nhà lóng cũ	300
64	nt	Vàm Ông Trang	Cầu Ông Đồi	250
65	nt	Trạm Nước	Hết ranh đất Ông Lê Văn Lốp	150



	Đường, tuyến lộ, khu vực	Đoạn đường		Giá đất năm 2015
		Từ	Đến	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
6. Xã Đất Mũi				
66	Xã Đất Mũi	Khu quy hoạch Trung tâm chợ xã		400
67	nt	Ranh đất Đội thuế xã	Lộ Tè	200
68	nt	Giáp ranh khu quy hoạch Trung tâm chợ xã	Cầu Lạch Vàm	350
69	nt	Ranh đất ông Nguyễn Văn Chuyển	Kênh Năm	250
70	nt	Ranh Trụ sở Vườn Quốc gia Mũi Cà Mau	Hết ranh Đồn Biên Phòng 680	200
71	nt	Hết ranh Đồn Biên Phòng 680	Cửa Vàm Xoáy	150
72	nt	Ranh đất nhà bà Nho	Hết ranh đất nhà ông Hai Hòa	150
73	nt	UBND xã Đất Mũi	Kênh Năm (2 bên)	250
	Đất ở chưa có cơ sở hạ tầng	Thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		100
		Không thuận lợi về mặt giao thông thủy, bộ		70



M. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

STT	Tên loại đất	Giá đất năm 2015			
		Khu vực 1	Khu vực 2	Khu vực 3	Khu vực 4
01	Đất trồng cây hàng năm (Đất trồng lúa, Đất trồng lúa kết hợp nuôi trồng thủy sản, Đất trồng cây hàng năm còn lại, Đất nuôi trồng thủy sản, Đất nuôi trồng thủy sản kết hợp trồng lúa)	70	45	30	20
02	Đất trồng cây lâu năm	120	90	40	30
03	Đất rừng sản xuất (Khu vực Rừng ngập lợ, Khu vực rừng ngập mặn và đất rừng sản xuất kết hợp nuôi trồng thủy sản)	15			
	+ Khu vực Rừng ngập lợ				
	+ Khu vực Rừng ngập mặn				
	+ Đất rừng sản xuất kết hợp nuôi trồng thủy sản				
04	Đất rừng phòng hộ (Rừng phòng hộ rất xung yếu và rừng phòng hộ xung yếu)	15			
	+ Đất rừng phòng hộ rất xung yếu				
	+ Đất rừng phòng hộ kết hợp nuôi trồng thủy sản				
05	Đất rừng đặc dụng	15			
06	Đất làm muối	20			

Ghi chú:

Khu vực 1: Các phường thuộc thành phố Cà Mau.

Khu vực 2: Xã Tắc Vân và xã Lý Văn Lâm thuộc thành phố Cà Mau.

Khu vực 3: Các thị trấn thuộc huyện; các xã còn lại thuộc thành phố Cà Mau và 01 phần xã

Nguyễn Việt Khái thuộc phạm vi quy hoạch khu Trung tâm Hành chính huyện Phú Tân.

Khu vực 4: Các xã còn lại trong tỉnh.